

Hòa thượng BÍCH LIÊN
(1876 – 1950)

MÔNG SƠN THÍ THỰC KHOA NGHI

[HÁN VĂN – DIỄN NÔM – PHIÊN ÂM – CHÚ GIẢI]

Biên soạn: NGUYỄN VĂN THOÀ

[GIẢNG VIÊN HÁN NÔM]

Hiệu đính: NGUYỄN MINH TIẾN

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nguồn sâu xa từ kinh *Cứu Bạt Diệm Khẩu Đà-la-ni* do đại sư Bất Không phiên dịch và truyền bá ở Trung Quốc vào đời Đường, phép cúng thí thực có mục đích đem tình thương bao la cứu độ loài nạ quỷ lang thang khổ sở giữa chốn u minh. Sang đời Tống, đại sư Bất Động tham cứu thêm các kinh điển Mật tông khác, diễn dịch thành phép *Tiểu thí thực*. Vì đại sư tu tập ở núi Mông Sơn (nay thuộc huyện Danh Sơn, tỉnh Tứ Xuyên) nên phép này được gọi là *Tiểu Mông Sơn* và được thực hành hằng ngày như một khoa nghi thiết yếu của Mật tông. Qua các đời Nguyên, Minh, khoa nghi này dần biến đổi, pha trộn với nghi thức của các tông phái khác, chen thêm phần văn thí thực, triệu thỉnh vào phần trì chú biến thực, siêu độ, thể hiện trọn vẹn lòng từ bi vô lượng của Phật giáo nhằm cứu độ mọi chúng sinh còn trôi nổi lạc loài trong *Ba đường dữ*.

Khoa nghi này truyền sang nước ta đã lâu đời, thường được gọi là *nghi thức đặng đàn chẩn tế*, do các cao tăng làm sám chủ. Hiện còn thấy 2 bản bằng chữ Hán in đời Khải Định: một bản tàng trữ ở chùa Báo Quốc (Huế) và một bản có phần diễn Nôm của Hòa thượng Bích Liên (in năm 1922 tại chùa Vĩnh Khánh, Bình Định). Bản thứ hai có nội dung phong phú hơn bản đầu. Bản đầu đã được phiên dịch và phát hành, tuy nhiên vẫn còn đôi chỗ sai sót. Bản sau chưa được phiên âm công bố.

Hòa thượng Bích Liên là một vị cao tăng uyên thâm Nho học, có công lớn trong phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà vào đầu thế kỷ 20. Ngài đã đem hết đạo tâm, văn tài diễn Nôm nguyên tác, văn từ lưu loát, điều luyện, dễ dàng tán tụng khi hành lễ. Bản này có giá trị cao, xứng đáng được xếp vào các tác phẩm văn học Nôm của Phật giáo nước nhà mà số lượng còn quá ít ỏi như Quan Âm Thị Kính, Phật Bà Chùa Hương v.v... Do đó, không ngại khó khăn, chúng tôi đã cố gắng phiên âm, giải nghĩa chỗ khó, chú thích điển tích, thuật ngữ trong phần nguyên tác, đồng thời phiên âm cả phần diễn Nôm để cố gắng hiến một bản văn tương đối dễ đọc, dễ hiểu, khá chính xác, có thể sử dụng trong các tự viện, học viện Phật giáo, nhằm bảo tồn và phát huy Đạo pháp cũng như văn hóa nước nhà. Xin các bậc cao minh rộng lòng chỉ giáo những chỗ sai lầm thiếu sót để chúng tôi được học hỏi thêm và bổ sung chỉnh sửa cho những lần tái bản.

CHƯƠNG I: NGUỒN GỐC MÔNG SƠN THÍ THỰC KHOA NGHI

I. Mông Sơn thí thực – Đại Mông Sơn thí thực:

Đời Tống, cao tăng Bất Động vốn người Thiên Trúc (Ấn Độ), tên A Thiểm Cán Phiết Cán Tư La, tinh thông giáo lý Hiển Mật và Tính Tướng, sang Tây Hạ ở chùa Hộ Quốc, dịch kinh điển Mật tông, được gọi là Kim Cương Thượng sư. Sau ngài sang Trung Quốc, đến ở núi Mông Sơn tại Tứ Xuyên (nay thuộc huyện Danh Sơn). Mang từ tâm cứu độ các cô hồn lạc loài trong chốn u minh, ngài tham cứu kinh *Du-già Diệm Khẩu* và các bộ kinh khác của Mật tông, diễn dịch thành *Tiểu thí thực pháp*, còn gọi là *Tiểu Mông Sơn pháp*, *Cam lộ pháp* hay *Mông Sơn thí thực*. Vì thế, ngài được tôn xưng là Cam Lộ Đại sư.

Đệ tử của ngài là Lạc Bố truyền bá phép này đến vùng Bảo An. Dần dần, phép này được thực hành khắp nơi và trở thành một khoa nghi cần thiết của Phật giáo. Về sau, đại sư Hưng Từ hết sức đề xướng, thêm vào 6 phiên khai thị, gọi chung là Đại Mông Sơn thí thực.

Khi thực hành khoa nghi này, dưới thiết trí pháp đàn, trên cung thỉnh tượng Phật, giữa đặt hương hoa, quả phẩm, lò hương, giá đuốc, dùng 2 chén đựng đầy gạo và nước trong rôi thỉnh cao tăng chủ trì pháp đàn ra thuyết pháp. Đối diện pháp đàn là đài cô hồn. Vị chủ lễ triệu thỉnh các cô hồn trong lục đạo, khắp mười phương. Niêm hương xong, lấy vải vàng hay dây thừng bao vòng quanh tận trước pháp đàn để các cô hồn và quỷ thần đến lễ bái,

nghe thuyết pháp, thọ nhận bố thí thật thuận tiện không bị trở ngại.

Thường hành lễ từ 7 đến 11 giờ đêm, vì quá giờ này quỷ thần không được hưởng thí thực, nhưng cũng có nơi hành lễ trong điện vào xế chiều.

Phép thí thực này bắt nguồn sâu xa từ kinh *Cứu Bạt Diệm Khẩu đà-la-ni*ⁱ do ngài Bất Không (đệ tử của Sơ tổ Mật tông Trung Quốc Kim Cương Trí) dịch vào đời Đường.

Kinh này nói rằng, lúc bấy giờ đức Phật đang thuyết pháp tại tăng xá *Ni-câu-luật-na* trong thành *Ca-tỳ-la-vệ*, tôn giả *A-nan* ngồi nhập định ở chỗ thanh vắng. Trong đêm hôm đó, khoảng quá canh ba bỗng thấy một ngạ quỷ tên Diệm Khẩu (còn gọi là Diệm Nhiên) xuất hiện, cổ họng nhỏ như cây kim, hình dáng khô gầy xấu xí, tóc xơ rối bời, móng vuốt sắc bén giơ ra rất đáng sợ, miệng phun lửa đỏ. Ngạ quỷ đến trước ngài *A-nan* và báo rằng còn 3 hôm nữa ngài sẽ chết rồi đọa vào đường ngạ quỷ. Tôn giả nghe như vậy sinh tâm hoảng sợ, liền hỏi xem phải làm sao để thoát khỏi cảnh khổ ấy. Ngạ quỷ bảo, nếu ngày mai Tôn giả có thể bố thí cho vô số ngạ quỷ cùng vô số các vị tiên nhân bà-la-môn, mỗi người đều được thí cho một hộc lương thực... cũng như vì ngạ quỷ mà cúng dường Tam bảo thì bản thân ngài sẽ được tăng tuổi thọ lại cũng giúp cho ngạ quỷ này được thoát khỏi cảnh khổ và sinh lên cõi trời.

ⁱ Tên kinh đầy đủ là Phật thuyết Cứu bạt Diệm Khẩu ngạ quỷ đà-la-ni kinh (佛說救拔焰口餓鬼陀羅尼經), được dịch từ bản Phạn văn tên là *Jvara-prasa-manī-dhāraṇī*. Kinh này cũng được dịch sang Tạng ngữ với tên là *Yi-dags-kha-nas me-ḥbar-ba-la skyabs-mdsad-pa shes-bya-baḥi gzuñs*. Kinh hiện còn trong Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh, thuộc quyển 21, kinh số 1313, bắt đầu từ trang 464b.

Tôn giả *A-nan* nhìn thấy ngạ quỷ thân hình khô gầy xấu xí, miệng phun lửa đỏ, cổ họng nhỏ như cây kim... lại nói ra những lời đáng sợ như vậy thì hết sức kinh hoàng, lông trên người dựng ngược cả lên, vội vàng đứng dậy tìm đến đức Phật, run rẩy quỳ lạy dưới chân Phật cầu xin ngài chỉ dạy phương thức để không phải đọa vào cảnh ngạ quỷ.

Đức Phật bảo *A-nan*: “Ông không nên quá lo lắng, ta có cách giúp ông có thể bố thí cho vô số ngạ quỷ cùng vô số các vị tiên nhân bà-la-môn đều được đầy đủ món ăn thức uống.”

Sau đó đức Phật truyền dạy thần chú *Vô lượng uy đức tự tại quang minh thù thắng diệu lực* (tức chú *biến thực*) như sau:

“*Na [Nam] mô tát phược [phạ] đát tha nghiệt [nga] đa [da] phược [phạ] lô [lô] chỉ đế úm [án] tham [tam] bà [bạt] ra tham [tam] bà [bạt] ra hồng.*”ⁱ

Đức Phật dạy ngài *A-nan* rằng, thần chú này có năng lực giúp người trì chú có thể bố thí cho vô số ngạ quỷ, vô số các vị tiên nhân bà-la-môn... thấy đều được no đủ với các món ăn thức uống...; còn có thể giúp các ngạ quỷ được thoát khổ sinh lên cõi trời, cũng giúp người trì chú được tăng tuổi thọ...

Về phép thí thực, vào buổi sáng sớm hoặc bất cứ lúc nào trong ngày đều được, dùng đồ chứa tinh khiết đựng đầy nước trong, bỏ vào ít thức ăn hoặc các loại bánh. Đặt

ⁱ Nguyên bản chữ Hán (Đại Chánh tạng) ghi: 那謨薩嚩怛他藥多嚩盧枳帝唵參婆囉參婆囉吽。Bản Càn Long (chữ Vạn) khắc là: 曩莫薩嚩怛他藥多嚩路積帝唵三跋羅三跋羅吽。Âm tụng phổ biến hiện nay là: Nam mô tát phạ đát tha nga đa, phạ lô chỉ đế. Ân tam bạt ra, tam bạt ra hồng.

tay phải lên đó rồi tụng chú biến thực như trên 7 lần và niệm danh hiệu 4 đức Phật là: Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai và Ly Bố Úy Như Lai. Xong, búng móng tay 7 lượt rồi đưa tay búng đồ đựng thức ăn đổ lên mặt đất sạch.

Khi thực hành bố thí theo pháp này thì vô số nạ quỹ khắp bốn phương ngay khi ấy đều thấy trước mặt họ có đầy đủ các món ăn. Những nạ quỹ ấy thọ nhận thức ăn này rồi đều được no đủ, lại sẽ bỏ thân nạ quỹ mà sinh lên cõi trời.

Trong sách Tiêu thích *kim cương khoa nghi hội yếu chú giải* (銷釋金剛科儀會要註解) có nói: “Người thực hành niệm chú này, hoặc 3 lượt, hoặc 7 lượt, hoặc 21 lượt, uy lực của chú sẽ biến các thức ăn cúng dường thành đủ loại cao lương mỹ vị của chư thiên, có đủ 5 màu sắc và 5 mùi vị ngon nhất, mỗi món như vậy đều chất đầy như núi *Tu-di*.”

Sách này cũng nói rằng, trước đó nên niệm chú Tịnh pháp giới lam tự và tay bắt ấn cát tường, đủ 21 lượt để gia trì làm thanh tịnh Pháp thực. Về phép bắt ấn, dùng ngón cái và ngón vô danh của bàn tay phải ấn vào nhau, 3 ngón còn lại đều bung ra. Tiếp đó mới niệm chú biến thực. Cuối cùng, niệm chú *Phổ cúng dường*: “*Úm [Án] nga nga năng tam bà phước [phạ] phật [phiệt] nhật ra hộc [hông]*.”

Vào đời Đường, phép thí thực này là nghi thức tất yếu được thực hành hằng ngày của Mật tông. Qua các đời sau, Mật tông suy yếu, phép thí thực này cũng biến đổi, pha trộn các nghi thức của những tông phái khác, chỉ còn

giữ lại các câu thần chú trong kinh. Đời Tống, Kim Quang Minh sám pháp bổ trợ nghi (金光明懺法補助儀) của Đại sư Tuân Thúc (tức Từ Vân Sám chủ) có phần văn thí thực xen vào.ⁱ Đời Nguyên, Mật tông có cơ hội hưng thịnh lại, trong Du-già tập yếu Diệm Khẩu thí thực nghi (瑜伽集要焰口施食儀)ⁱⁱ có thêm phần triệu thỉnh thập loại cô hồn.ⁱⁱⁱ Đời Minh, thiền sư Thiên Cơ có biên soạn Tu tập Du già tập yếu thí thực đàn nghi, nay thường gọi là Thiên Cơ Diệm Khẩu, cũng có phần văn triệu thỉnh cô hồn. Như thế, đối tượng thí thực không chỉ là nạ quỹ mà bao trùm mọi giới cô hồn vật vờ nổi trôi giữa chốn u minh. Điều này, trong Thích môn chánh thống, quyển 4, Chí Lợi Sinh đã nhận định rất xác đáng: “Xét phép thí thực, không phải tất cả người, trời đều biết rõ, chỉ đức Phật, vì lòng từ bi che chở khắp muôn loài, không đành nhìn mọi sinh linh chịu đói,

ⁱ Nghi quỹ này của Đại sư Tuân Thúc được đưa vào Đại Chánh tạng, thuộc tập 46, kinh số 1945, bắt đầu từ trang 957. Phần văn thí thực này được đưa vào mục thứ sáu (Đệ lục) là Xưng Tam bảo cập tán sái phương pháp (稱三寶及散灑方法). Ngoài phần tụng văn, mục này cũng hướng dẫn vị pháp sư phương pháp quán tưởng và thực hành pháp thí thực.

ⁱⁱ Thật ra nghi quỹ này được đưa vào Đại Chánh tạng, thuộc tập 21, kinh số 1320, bắt đầu từ trang 473, nhưng không ghi rõ được soạn vào đời nào và do ai soạn. Trong bản Càn Long (chữ Vạn), phần nghi quỹ này có khắc cả các câu chú bằng Phạn văn, được đưa vào ngay sau bản Du-già tập yếu Diệm Khẩu thí thực khởi giáo A-nan-dà tự do (瑜伽集要焰口施食起教阿難陀緒由) do ngài Bất Không dịch vào đời Đường.

ⁱⁱⁱ Trong phần nghi thức hướng dẫn vị Pháp sư triệu thỉnh bằng cách đọc 3 lần câu này: 一心奉請。法界六道十類孤魂。面然所統薜荔多眾。塵沙種類依草附木。魑魅魍魎滯魄孤魂。自他先亡家親眷屬等眾。唯願承三寶力仗秘密言。此夜今時來臨法會。(Nhất tâm phụng thỉnh pháp giới lục đạo thập loại cô hồn; diện nhiên sở thống bệ lệ đa chúng; trần sa chủng loại y thảo phụ mộc; si mị vãng lượng trệ phách cô hồn; tự tha tiên vong gia thân quyến chúc đẳng chúng; duy nguyện thừa Tam bảo lực, trợ bí mật ngôn, thủ dạ kim thời lai lâm pháp hội.) Có thể thấy, một phần trong nội dung này đã được đưa vào bản Mông Sơn thí thực khoa nghi mà chúng ta đang sử dụng.

để tôn giả A-nan có cơ duyên vốc nắm thức ăn, niệm chú mà bố thí. Nay Phật môn đều thực hành theo, gọi là thí thực ngạ quỷ. Xem kinh luật ghi chép, có 3 cách gọi không giống nhau: kinh Niết-bàn gọi là quỹ Khoáng Dã, kinh Diệm Khẩu ngạ quỷ gọi là quỹ mặt cháy (diện nhiên), luật Tỳ-nại-da lại gọi là Ha lợi để mẩu. Chẳng qua, tất cả đều do đức Phật khéo quyền biến chỉ dạy cả.”

II. Mông Sơn thí thực khoa nghi:

Như trên đã trình bày, có thể hiểu bản *Mông Sơn thí thực khoa nghi* bằng chữ Hán này đã được các bậc thạc đức đời Nguyên, Minh biên soạn lại từ bản dịch ban đầu của ngài Bất Không. Đọc kỹ, thấy văn phong rất già dặn, lão luyện. Phần biên văn như bài *Bạch*, bài *Phục dĩ*, đều viết đúng khuôn phép, lối đặt câu nghiêm chỉnh, phép đối san sát từng chữ, từng vế. Phần thi ca, như bài *Trạo ca*, *Khô lâu tán* và các cặp thất ngôn xen vào giữa lời triệu thỉnh, viết theo các thể cổ phong, tán, luật thi, lời trang nhã, âm điệu dồi dào. Nhất là bài *Trạo ca* toát lên vẻ bi thiết trầm hùng. Bài *Khô lâu tán* khơi gợi nỗi mê lương, áo não, đủ sức lay tỉnh, cảm hóa người nghe và mọi cô hồn lạc loài giữa cõi tăm tối. Toàn văn *Mông Sơn thí thực khoa nghi* có tác dụng khuyến giáo đặc biệt.

Tuy nhiên, đây cũng chỉ là nhận định rất sơ sài, vì chúng tôi đặt trọng tâm vào bản văn *Mông Sơn thí thực khoa nghi* do hòa thượng Bích Liên diễn Nôm, nhằm mục đích giới thiệu một tác phẩm văn học Nôm Phật giáo nổi tiếng của một cao tăng rường cột trong phong trào chấn hưng Phật giáo nước nhà vào đầu thế kỷ vừa qua.

1. Về tình trạng văn bản:

Bản văn hiện còn có khổ lớn (16 x 26cm), không thấy bìa, còn khá nguyên vẹn. Chữ khắc sắc nét, đẹp, tuy có đôi chỗ mờ, nhòe do kỹ thuật in ấn, nhưng không đáng kể. Sách được sử dụng nhiều, gấp đôi lại, nên hơi nhàu. Người sử dụng có viết thêm vào những đoạn sách in vân vân, cốt để nhớ khi đọc tụng hành lễ. Vài nơi còn chừa thêm chữ quốc ngữ bên cạnh chữ Nôm, nhưng phiên âm cũng không xác đáng lắm. Tổng cộng gồm 33 tờ đôi, in hai mặt, được sắp xếp như sau:

- Tờ đôi đầu tiên, giữa ghi tên sách *Mông Sơn thí thực khoa nghi* bằng chữ lớn; bên trên ghi một dòng ngang: *Thiên vận mậu ngọ, hạ mạnh* (tháng 4 năm mậu ngọ), có chừa thêm số 1918 ở giữa, có lẽ do chủ nhân bản văn trước đây ghi thêm vào; bên phải ghi: *Bích Liên đường tản nhân Trí Hải phụng diễn nghĩa* (người nhân tản ở Bích Liên đường là Trí Hải kính diễn nghĩa); bên trái ghi: *Cẩm giang Vĩnh Khánh tự tăng Chí Tâm phụng lục* (tăng sĩ Chí Tâm ở chùa Vĩnh Khánh bên sông Cẩm kính ghi).ⁱ
- 3 tờ đôi tiếp theo, có đánh số *nhất, nhị, tam* (1, 2, 3) bên lề trái, là bài tựa viết theo lối chữ thảo rất đẹp, không thấy tên người soạn. Bốn tờ đôi cuối cùng, đánh số *nhập lục, nhập thất, nhập bát, nhập cửu*

ⁱ Chùa Vĩnh Khánh nằm bên dòng sông Cẩm, khi ấy thuộc làng Cẩm Văn, tổng An Ngãi, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định (Trung kỳ), nay là thôn Cẩm Văn, xã Nhơn Hưng, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Vị tăng Chí Tâm ở đây tức là Hòa thượng Chơn Đạo, hiệu Chí Tâm, tự Chánh Tín.

(26, 27, 28, 29) bên lề trái, là bài bạt, cũng theo lối chữ thảo, có tên người soạn. Còn một số chữ trong 2 bài tựa và bạt chưa đoán ra nên chúng tôi chưa thể dịch đem vào đây. Lạc khoản cuối bài bạt ghi: *Bình Định tỉnh, Cẩm Văn thôn, Vĩnh Khánh tự bốn đạo tỉnh bốn tỉnh chư sơn bốn đạo đồng nguyện trợ khắc lưu bố. Khải Định nhâm tuất niên, chính nguyệt, cát nhật khắc hoàn. Bản tàng tại Vĩnh Khánh tự.* (Bốn đạo chùa Vĩnh Khánh tại làng Cẩm Văn, tỉnh Bình Định cùng bốn đạo các chùa trong tỉnh đồng phát nguyện góp khắc bản in để truyền bá. In xong vào ngày tốt, tháng giêng năm nhâm tuất (1922) dưới triều vua Khải Định. Bản in giữ tại chùa Vĩnh Khánh.)

- Phần Chánh văn gồm 25 tờ đôi, đánh số bên lề trái từ nhất (1) đến nhập ngũ (25), in 2 mặt thành 50 trang. Để đọc giả tiện theo dõi, trong phần này chúng tôi sẽ phân chia mỗi tờ đôi thành 2 mặt a và b. Ví dụ: 12a và 12b là tương ứng với 2 mặt của nguyên bản được đánh số *thập nhị*. Phần lớn các trang được trình bày phía trên là nguyên văn chữ Hán, dưới là phần diễn Nôm, nhưng cũng có nhiều đoạn tụng niệm phổ thông không thấy diễn Nôm,ⁱ chỉ in chữ Hán nguyên trang hoặc nửa trang, hoặc một phần ba trang, từ trên xuống dưới. Như thế, dịch giả đã diễn Nôm hầu hết bản *Mông Sơn thí thực khoa nghi*. Nội dung như sau:

ⁱ Với những đoạn chữ Hán không có diễn nôm, khi xét cần chúng tôi sẽ có thêm phần tạm dịch nghĩa và đưa vào chú giải cuối trang.

1. Bài tứ tuyệt Nôm (sáng tác thêm), trang đầu (1a). Bày tỏ nỗi đau lòng vì thấy các cô hồn bơ vơ vất vưởng trong những mồ hoang xiêu lạc, không ai đoái hoài.
2. Triệu thỉnh tất cả cô hồn 3 lượt, niêm hương 3 lượt, từ trang 1b đến một nửa trang 2b: diễn Nôm thành 31 câu, hợp dụng các văn thể Việt Hán. Sám chủ thành khẩn, ân cần mời mọi cô hồn tề tựu về trai đàn nghe kinh, hưởng thí thực.
3. Triệu thỉnh 13 loại cô hồn, từ giữa trang 2b đến giữa trang 8a. Diễn Nôm thành 130 câu theo thể thơ *song thất lục bát*, nội dung triệu thỉnh 13 loại cô hồn từ vua chúa, tướng tá đến các thành phần trong xã hội cũng như ngựa quỷ yêu ma do quỷ vương Diện Nhiên cai quản, cùng đến trai đàn nghe kinh, hưởng thí thực.
4. Bài Bạch, thể *tứ lục*, từ trang 8b đến một phần ba trang 10a, diễn Nôm theo thể *tứ lục* thành 40 câu. Sám chủ kêu gọi tất cả cô hồn ở trai đàn hồi tâm lắng nghe thuyết pháp, thọ hưởng bố thí để giải thoát khỏi cảnh đọa lạc đắm chìm.
5. Bài *Khô lâu tán*, thể *tá*, từ trang 10a đến gần hết trang 11b, diễn Nôm thành 34 câu lục bát, nội dung bày tỏ nỗi đau đớn xót xa khi gặp một sọ người nằm lăn lóc trong lùm cỏ hoang rậm rạp, không người chôn cất. Sám chủ ân cần mời đến pháp đàn nghe kinh, thọ thí để được siêu thoát về cõi Phật an vui.

6. Bài *Trạo văn*, thể *cổ phong độc vận*, từ trang 12a đến một phần ba trang 17b, diễn Nôm thành 136 câu lục bát, nội dung nhắc lại việc triệu thỉnh hết thấy mọi giới cô hồn đến hưởng thí thực, nghe thuyết pháp và cầu nguyện tất cả mau được vãng sinh về cõi Tịnh độ của đức Phật A-di-đà.
7. Bài văn *Phục dĩ*, thể *tứ lục*, từ giữa trang 21b đến giữa trang 24a, diễn Nôm thành 45 câu, nội dung nguyện đem công đức ở trai đàn hồi hướng về mọi giới cô hồn để sớm ngộ đạo thành Phật.
8. Bài *Chúc tụng Nôm* (sáng tác thêm), từ giữa trang 25a đến cuối trang 25b, gồm 16 câu lục bát, sám chủ cầu nguyện các cô hồn đều được siêu thoát và gia chủ được phúc lành, thanh thản.

Đọc toàn bộ các phần diễn Nôm trên đây, chúng ta không khỏi ngạc nhiên về lối hành văn hết sức lưu loát, trôi chảy. Dịch giả đã khéo vận dụng mọi thể loại Việt Hán để chuyển dịch một nguyên tác Hán văn đầy dẫy những thành ngữ, điển tích chuyên môn của Tam giáo, nhằm cống hiến cho chúng ta một văn phẩm Nôm tao nhã, trang trọng mà vẫn dễ hiểu. Cách dùng chữ, ngắt câu phẳng phất phong vị, nhạc điệu của *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm khúc*, *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du, *Trăm thương* của Tương An quận vương Miên Bửu, chứng tỏ dịch giả là một bậc uyên bác về Nho, Phật và văn học cổ điển nước nhà, lại chan chứa lòng từ bi nhân hậu của một cao tăng và tâm hồn nhạy cảm của một nghệ sĩ có biệt tài.

Mông Sơn thí thực khoa nghi diễn Nôm xứng đáng là một tác phẩm văn học Phật giáo cần được phổ biến và khơi sâu nhiều hơn nữa, để đóng góp vào nền văn học Phật giáo Việt Nam vào đầu thế kỷ 20, hiện đang được nghiên cứu và công bố còn rất ít ỏi, sơ sài.

2. Dịch giả:

Hòa thượng Bích Liên thế danh là Nguyễn Trọng Khải, sinh năm 1876 tại Bình Định, đậu 2 khoa tú tài Hán học. Bích Liên có lẽ là bút hiệu, lấy tên từ ngôi chùa do hòa thượng khai sơn và trụ trì.

Ngài xuất gia năm 1919 (43 tuổi) với hòa thượng Hoàng Thạch tại chùa Thạch Sơn ở Quảng Ngãi. Hai năm sau đắc pháp, pháp danh Chân Giám, pháp tự Đạo Quang, pháp hiệu Trí Hải.

Qua sự giới thiệu của hòa thượng Khánh Hòa, hòa thượng vào Nam làm chủ bút cho tạp chí Từ Bi Âm từ năm 1923 đến năm 1936. Đây là tạp chí truyền bá Phật pháp của Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học.

Cuối năm 1936, hòa thượng về lại Bình Định. Năm 1938, làm giáo sư tại Phật học đường Long Khánh ở Bình Định. Hòa thượng viên tịch năm 1950 tại chùa Bích Liên ở tỉnh nhà.

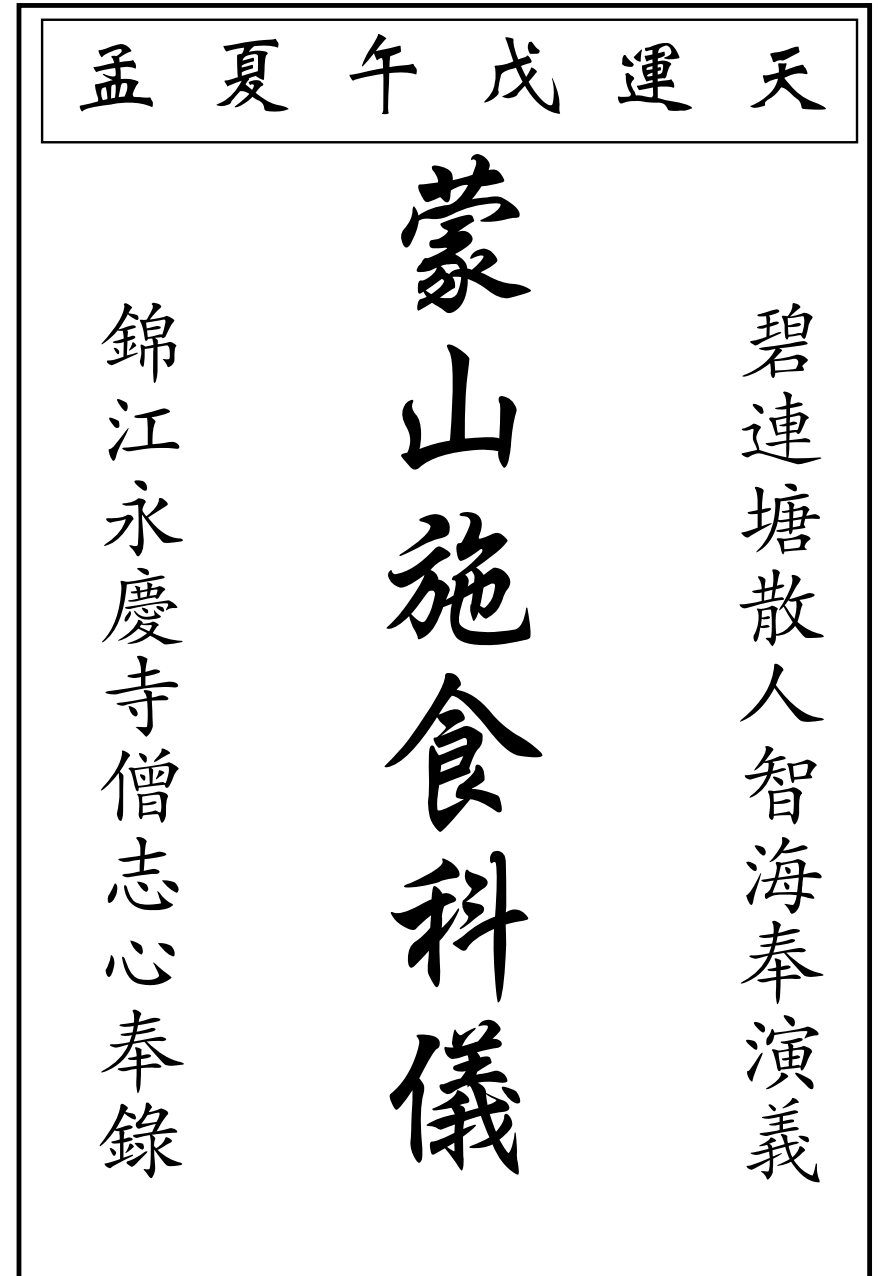
Về phương diện tu tập, hòa thượng chuyên về Tịnh độ tông. Về sự nghiệp hoằng hóa, trong thời gian làm chủ bút tạp chí Từ Bi Âm hòa thượng đã biên dịch, giảng giải một số kinh điển, sáng tác thơ văn để đóng góp vào công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà.

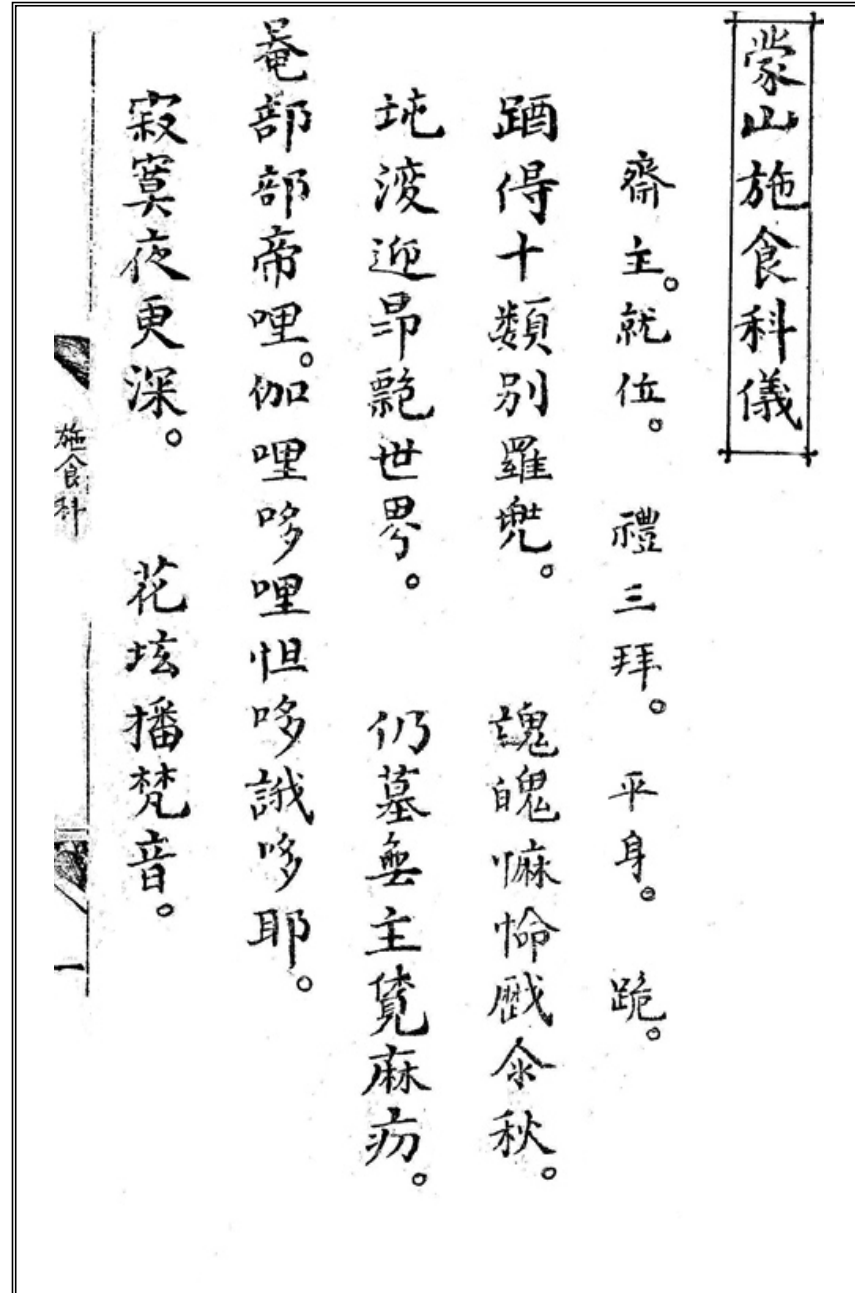
Các tác phẩm chính còn để lại:

– Bằng chữ Hán: *Liên tông thập niệm yếu lãm, Tịnh độ huyền cảnh, Tây song ký, Tích lạc văn.*

– Diễn Nôm: *Quy Sơn cảnh sách văn, Mông Sơn thí thực khoa nghi.*¹

¹ Tất cả những gì chúng tôi viết trên đây đều tóm lược từ sách Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang, tập 3, các trang từ 786 đến 790 và 811. Mong rằng các đệ tử, đồ tôn của hòa thượng ở chùa Bích Liên tại Bình Định nên sưu tầm, biên soạn lại tiểu sử và tác phẩm của hòa thượng để công bố tường tận hơn.





CHƯƠNG II: CHÁNH VĂN

MÔNG SƠN THÍ THỰC KHOA NGHI

[1a] *Trai chủ tự vị, lễ tam bái, bình thân, quy.*ⁱ
 Tịch tịch dạ canh thâm,
 Hoa đàn bá Phạm âm.

ⁱ Câu này trong bản văn không dịch, chỉ in nguyên chữ Hán, tạm dịch là: “Vị trai chủ vào vị trí, lạy 3 lạy, đứng lên rồi quỳ xuống.”

[1a] Dấu người thập loại biết là đâu?
 Hồn phách mơ màng trải mấy đầu
 Độn¹ biển ngênh ngang bầu thế giới
 Những mô vô chủ thấy mà đau!

*Úm, bộ bộ đế rị, già rị đa rị đát đa nga đa da.*²

PHẠM LỆ:

– Trong sách này, nguyên bản được in ở trang bên trái, phần phiên âm Hán Việt được đặt bên trên của trang bên phải, phần diễn Nôm nằm bên dưới. Các chú giải của phần Hán văn (được đánh số i, ii, iii...) sẽ đặt ngay bên dưới, các chú giải của phần diễn Nôm (được đánh số 1, 2, 3, 4...) xin xem ở cuối sách. Các số trong ngoặc vuông như [1a], [1b]... được chúng tôi thêm vào để chỉ rõ vị trí bắt đầu mỗi trang theo nguyên bản, tương đương với 2 mặt của tờ đôi được đánh số nhất, nhị... trong nguyên bản.

孤魂聞召請。步步速來臨。
 專伸召請。恭望來臨。懺主上香謹當拜請。香花請。
 一心召請。金烏似箭。玉兔如。云云一心召請。鴟鵂踞蹠。兔落梭踪。措惡疔骨。
 梭想骨肉以分離。覩英雄。肉餒賒。瞠昧。眈英雄。群兒妬。爐寶鼎。
 而何在。初焚名香。初伸召。牟香燃買。燄。明禪流。扇。呼。貝。亡。靈。喂。亡。靈。畏。
 請。亡。靈。么。一位正魂。云云。誼。咧。召。請。伶。伶。魂。邈。馳。癸。幽。冥。嗔。術。

[1b] Cô hồn văn triệu thỉnh,
 Bộ bộ tốc lai lâm!
 Chuyên thân triệu thỉnh
 Cung vọng lai lâm.
 Trai Sám chủ thượng hương, cẩn đương bái thỉnh.ⁱⁱ
 Hương hoa thỉnh... vân vân
 Nhất tâm triệu thỉnh:
 Kim ô tự tiễn,
 Ngọc thố như thoa;
 Tưởng cốt nhục dĩ phân ly
 Đổ anh hùng nhi hà tại?
 Sơ nhiệt danh hương, sơ thân triệu thỉnh vong linh...
 nhất vị chánh hồn... vân vân...

ⁱ Tạm dịch: “Đêm khuya, canh trường tịch mịch, Trai đàn rao giảng lời đức Phật. Các cô hồn nghe lời mời, Xin hãy mau bước đến tham dự.”
ⁱⁱ Vị trai chủ hoặc sám chủ dâng hương, kính cẩn bái thỉnh.

[1b] Nhất tâm triệu thỉnh.
 Ác vàng tên ruồi,
 Thỏ bạc hoa giông.³
 Ôm lòng đau cốt nhục nỗi xa trông;
 Sấn mắt nhắm anh hùng còn đâu đó?
 Lò bảo đỉnh màu hương⁴ nhen mới tỏ,
 Giọng Thiên lưu rày ngỏ với vong linh.
 Ôi vong linh ơi!
 Nghe lời triệu thỉnh rành rành,
 Hồn chơi trong cõi u minh xin về!⁵

施食科

二

<p>一心召請遠觀山有色近聽 水無聲春去花還脚人來 鳥不驚再執名香再伸召 請亡靈一位正魂云云</p>	<p>一心召請年嫩法落明浩愧誰春教未花 咲群低得細妬點扇色樣寐畧燄唏洗 糞四散堆番迺靈爽於荒依<small>靈喂亡靈</small> 魂吟固能馴馴召請急移燄塵</p>	<p>一心召請苦海茫茫業自招 迷人不醒半分毫今生不 職占色余醒鄧分毫醉垂妙粧極念彌</p>
--	---	---

[2a] Nhất tâm triệu thỉnh:
Viễn quan sơn hữu sắc,
Cận thính thủy vô thanh
Xuân khứ hoa hoàn hạm
Nhân lai diểu bất kinh.
Tái nhiệt danh hương, tái thân triệu thỉnh vong linh...
nhất vị chánh hồn... vân vân...
Nhất tâm triệu thỉnh:
Khổ hải mang mang nghiệp tự chiêu,
Mê nhân bất tỉnh bán phân hào
Kim sinh bất...

[2a] Nhất tâm triệu thỉnh:
Màu non lờ lạt;
Giọng suối thâm thì.
Xuân đi rồi, hoa hầy còn đây;
Người tới đó, chim rày đã dạn.
Vài lượt thấp, hơi trầm bay tựa tán;
Đôi phen mời, linh sáng ở đầu dây.
Ồi vong linh ơi!
Vong linh hồn nhẽ có hay,
Nghe lời triệu thỉnh, kíp day⁶ côi trần!
Nhất tâm triệu thỉnh:
Biển trần lênh lảng;
Sóng nghiệp lao xao
Người mê man trong giấc chiêm bao,
Mới tỉnh đặng phân hào trong lẽ diệu.
Sống chẳng niệm Di...

把弥陀念在人間走一
 遭三熱名香三伸君請止。
 惟願承三寶力仗秘密言此
 夜今辰來受甘露法
 一心召請
 累朝帝王歷代侯王九重
 殿闕高居萬里山河獨據
 西來戰艦千年王氣俄收
 陀佛號枉沒綫邈壞人間。匹番香塔
 寶壇靈喂匹吝召請。泝鎮魂靈。
 嗔哪三寶法。娘剔秘密。君清阻衛。
 低享受香花。甘露法食。驚兮少之。
 惟願承三寶力仗秘密言此夜今辰來受甘露法食。
 耨請几皇王帝伯。朝代誓硬過別包。
 墩臺於笠於高。嫩澆闌黥。色沒麵。

[2b] ... bả Di-dà niệm

Uống tại nhân gian tẩu nhất tao.

Tam nhiệt danh hương, tam thân triệu thỉnh vong...

Duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật ngôn, thử dạ kim thì, lai thọ vô già cam lộ pháp thực.

Nhất tâm triệu thỉnh:

Lũy triều đế chủ; lịch đại hầu vương. Cửu trùng điện khuyết cao cư; vạn lý sơn hà độc cứ. Tây lai chiến hạm, thiên niên vương khí nga châu;...

[2b] ... Đà Phật hiệu,

Uống một vòng chơi cõi nhân gian!

Ba phen hương thấp bảo đàn...

Ồi vong linh ơi!

Ba lần triệu thỉnh suốt vàng hôn linh.

Xin vâng Tam bảo phép lành,

Nương lời bí mật⁷ đêm thanh trở về

Về đây hưởng thọ hương hoa,

Cam lộ pháp thực⁸ ê hề thiếu chi!

Trước thỉnh kẻ hoàng vương đế bá,

Triều đại xưa trải quá biết bao!

Đền đài chín lớp ở cao,

Non sông muôn dặm, chiếm vào một tay.

北去靈輿。五國冤聲未斷。
 嗚呼。杜鵑叫落桃花月。血染
 枝頭。正長。如皇前王後伯
 之流。一類。派魂等感。惟願
 承三寶力。仗秘密言云云
 一心召請
 登壇拜將。建節封侯。力移
 金鼎千鈞。身作長城萬里。
 霜寒豹帳。徒煩汗馬之勞。
 風息狼煙。空負攀龍之望。

船戰ノ過移王氣。車盞群囁吧冤聲。崔喂
 杜鵑叫逆殘更。舞愀梁賣連梗桃花。
 轆轤王伯仍羅。塊香嗔證席花座床。
惟願承三寶力。仗秘密言。言日。今。時。來。受。與。深。甘。露。及。食。
 吏請几登壇拜將。孕阮旗褒賞侯官。
 斤斤力攀鼎鑊。身長城慌森斤黠瀾。
 帳槍冷枉花馬汗。燧狼殘節可攀龍。崔喂

[3a] bắc khứ loan dư, ngũ quốc oan thanh vị đoạn.
Ô hô!

Đỗ quyền khiếu lạc đào hoa nguyệt,
Huyết nhiễm chi đầu hạn chánh trường.

Như thị tiền vương hậu bá chi lưu, nhất loại cô hồn
đẳng chúng, duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật
ngôn... vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

Đẳng đàn bách tướng; kiến tiết phong hầu. Lực di kim
đình thiên quan; thân tác trường thành vạn lý. Sương hàn
báo trướng, đồ phiên hãn mã chi lao; phong tức lang yên,
không phụ phan long chi vọng.

[3a] Thuyền chiến phút đổi dời vương khí,
Xe loan còn rử rử oan thanh.

Ôi thôi!

Đỗ quyền kêu suốt tàn canh,⁹

Máu hờn nhuộm mãi trên cành đào hoa!

Trước sau vương bá những là,

Hồn hương xin chứng tiệc hoa sẵn sàng.¹⁰

Lại thỉnh kẻ đẳng đàn bách tướng,

Dựng ngọn cờ bao thưởng hầu quan.

Ngàn cân lực cử đỉnh vàng,

Thân trường thành, đáng trăm ngàn dặm khơi.

Trướng hùm¹¹ lạnh, uống đời hãn mã;¹²

Khói lang¹³ tàn, nào gã phan long?¹⁴

Ôi thôi!

呼將軍戰馬今何在。野草
 閑花滿地愁。如見英雄將
 帥之流。一類孤塊等。云
 一心召請
 五陵才俊。百郡名臣。三年
 清節為官。一片丹心報主。
 南丹北縣。久離桑梓之鄉。
 海每天涯。遠喪蓬萊之島。
 嗚官既蕭。又隨逝水。離魂
 杳又隔陽關。如是文臣宰
 馭若戰將問空。花懶鞞內。今澹愜燒。
 英雄將帥色。旣。法筵咲証。幽勢沛。庄。
 吏請几五陵才俊。品賢良百郡名臣。
 惟願承三宰力。仗秘書言。此夜合財。來受無意。甘露法食。
 巴解官節冲。泚。悉輪沒。忠君燿。燦。
 若丹縣。餘廊。母。文。站。浩。丞。蹻。躡。神。仙。喂。
 征。又。浚。官。弄。迎。麻。又。覓。虵。離。沔。陽。關。

[3b] Ô hô!
 Tướng quân chiến mã kim hà tại?
 Dã thảo nhàn hoa mãn địa sầu.
 Như thị anh hùng tướng súy chi lưu, nhất loại cô hồn
 đẳng chúng... vân vân...!
 Nhất tâm triệu thỉnh:
 Ngũ lăng tài tuấn; bách quận danh thân. Tam niên
 thanh tiết vi quan; nhất phiến đan tâm báo chủ. Nam châu
 bắc huyện, cử ly tang tửⁱⁱⁱ chi hương; hải giác thiên nhai,ⁱⁱⁱ
 viên táng Bồng Lai^{iv} chi đảo.
 Ô hô!
 Hoạn hưởng tiêu điều tùy thệ thủy,
 Ly hồn diểu diểu cách dương quan.
 Như thị văn thân tể...

ⁱ Những chữ vân vân này nhắc đến các câu lặp lại nhiều lần, nên bỏ bớt, sợ dài dòng: “duy nguyện... pháp thực” đã nói ở trên.
ⁱⁱ Chữ dùng lấy từ kinh Thi, chỉ cha mẹ, làng mạc.
ⁱⁱⁱ Hải giác thiên nhai: chân trời góc biển, ý nói những nơi rất xa xôi.
^{iv} Bồng Lai: tên một hòn đảo theo truyền thuyết, ở biển Bột Hải, được tin là có thần tiên và thuốc trường sinh.

[3b] Ngựa già, chiến tướng vắng không,
 Hoa hèn cỏ nội mấy vùng buồn thiu!
 Anh hùng tướng súy bao nhiêu,
 Pháp diên hã chứng ít nhiều phải chằng.¹⁵
 Lại thỉnh kẻ ngũ lăng¹⁶ tài tuấn,
 Phẩm hiền lương bách quận danh thân.
 Ba năm quan tiết trong ngần,
 Lòng son một tấm trung quân rõ ràng.
 Nhà châu huyện xa làng phụ mẫu;
 Điểm nước trời, theo dấu thần tiên
 Ôi thôi!
 Chênh chênh biển hoạn¹⁷ sóng nghiêng;
 Mờ mờ hồn bướm¹⁸ liên miền dương quan!¹⁹

輔流一類孤獨等歌惟
 願承主筆有林秘書言云
 一心畧請
 驥門才子白屋書生探花
 足踏文林射策身遊棘院
 螢燈罷散三年徒用工夫
 鐵硯磨穿十載漫施辛苦
 嗚呼七尺紅羅書姓字一杯
 黄土蓋文章知是文人拳
 子之流一類孤獨等歌云

文臣掣計關釐。準尼嗔証法垓朱衝。
 吏請几騷筋墨客。塢闌鬢茄白包髡。
 稜文珥跳探花。昂弓筆戰遯座棘園。
 澈焔蛻惜髡學。病砒硯枉悻志紵。
 纓紅皂梵題格。坦鑽沒堞堙文章。
 文人別余饒量。塊花嗔証席香余分。

[4a] ... phu chi lưu, nhất loại cô hồn đẳng chúng, duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật ngôn... vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

Huỳnh môn tài tử; bạch ốc thư sinh.¹ Thám hoa túc bộ văn lâm; xạ sách thân du cức viện. Huỳnh đấng phi tán, tam niên đồ dụng công phu; thiết nghiên ma xuyên, thập tải man thi tân khổ.

Ô hô!

Thất xích hồng la thư tính tự;

Nhất bôi hoàng thổ cái văn chương.

Như thị văn nhân cử tử chi lưu, nhất loại cô hồn đẳng chúng, vân vân...

¹ Bạch ốc thư sinh: học trò nhà nghèo.

[4a] Văn thân xiết kể muôn vàn
 Chốn này xin chứng pháp đàn cho xong.
 Lại thỉnh kẻ tao ông, mặc khách,²⁰
 Lối cửa huỳnh,²¹ nhà bạc vào ra
 Rừng văn nhẹ bước thám hoa,
 Ngang cung bút chiến, chơi tòa cức vi.²²
 Tàn lửa đóm,²³ tiếc dày công học,
 Mòn đĩa nghiên, uống nhọc chí bền
 Ôi thôi!
 Lụa hồng bảy thước đề tên,²⁴
 Đất vàng một cụm lấp nền văn chương!
 Văn nhân biết mấy nhiều lương,
 Hồn hoa xin chứng tiệt hương mấy phần.

一心召請

出塵上士。飛錫高僧。精修
五戒淨人。梵行比丘。尼眾。
黃花翠竹。空談秘密真詮。
白牯薰奴。徒演苦空妙偈。
嗚呼。經窻冷浸三更月。禪室
虛明。半夜燈。如是繡衣釋
子之流。一類孤塊等眾。惟
願承三寶力。仗秘密言。云

一心召請

吏請凡出塵飛錫。

上士箕貝客高僧。

耦精五戒道恒。

媽比丘吏梵垠湟修。

廊花竹帶勾諦。

茄牯奴問偈苦空。

經窻腴滲冷滝。

茄禪燎炯烱烱更戩。

禪流尼仍埃埃。

真塊嗔唉証募法坛。

吏請凡黃冠野客。

涓羽衣風格茄仙。

[4b] Nhất tâm triệu thỉnh:

Xuất trần thượng sĩ; phi tích cao tăng. Tinh tu ngũ giới tịnh nhân; Phạm hạnh tỳ-khuu ni chúng. Hoàng hoa thúy trúc, không đàm bí mật chân ngôn; bạch cổ ly nô, đồ diễn khổ không diệu kệ.

Ô hô!

Kinh song lãnh lạc tam canh nguyệt,
Thiền thất hư minh bán dạ đăng.

Như thị truy y Thích tử chi lưu, nhất loại cô hồn đẳng chúng, duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật ngôn... vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

[4b] Lại thỉnh kẻ xuất trần phi tích,²⁵

Thượng sĩ kia với khách cao tăng.

Trai tinh ngũ giới đạo hằng,

Gái tỳ khuu lại đủ ngần nét tu.

Làng hoa trúc,²⁶ nào câu mật đế

Nhà cổ nô, vắng kệ khổ không.²⁷

Ôi thôi!

Kinh song trắng thấm lạnh lũng,

Nhà Thiền leo lét đèn chong canh dài!

Thiền lưu này những ai ai,

Chân hồn xin hãy chứng lai pháp đàn.

Lại thỉnh kẻ hoàng quan dã khách,

Dòng vũ y phong cách nhà tiên.²⁸

黃冠野客羽服仙流。堯源
 洞裏修真。開苑外前養性。
 三花久煉。天曹未許標名。
 四大無常。地府難容轉恨。
 罵琳觀。霜寒丹竈冷。醜垓
 風慘杏花稀。如是玄門道
 士之流。一類孤塊等。云云
 一心召請
 江湖羈旅。南北經商。圖財
 萬里遊行。積貨千金買易。
 吏請九江湖羈旅。塘北南
 殿次行商。利權闖。駁莫當。
 新鎖貯吏神。行貨奔。
 修真神洞堯源。潯州閣
 宛欺煉性些。丕標。啖
 三花。遠。曠。坦。樽。愀
 四大。漆。傷。崔。喂。
 爐丹琳觀冷霜。醜垓。邊
 慘。喂。殘。香。花。色。饒
 道士。仍。羅。味。香。幽。感
 透。茹。虛。無。吏。請。九。江。湖。羈。旅。塘。北。南。殿。次。行。商。利。權。闖。駁。莫。當。新。鎖。貯。吏。神。行。貨。奔。

[5a] Hoàng quan dã khách; vũ phục tiên lưu. Đào nguyên động lý tu chân; Lãng uyển châu tiền dưỡng tính. Tam hoa tòng luyện, thiên tào vị hứa tiêu danh; tứ đại vô thường, địa phủ nan dung chuyển hận.

Ô hô!

Lâm quán sương hàn, đan táo lãnh;

Tiểu đàn phong thám, hạnh hoa hy.

Như thị huyền môn đạo sĩ chi lưu, nhất loại cô hồn đả chúng, vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

Giang hồ kỳ lý, nam bắc kinh thương. Đồ tài vạn lý du hành; tích hóa thiên kim mậu dịch.

[5a] Tu thân trong động Đào nguyên,²⁹

Trước châu Lãng uyển khi rèn tính ta

Trời nêu tiếng tam hoa³⁰ chưa toại;

Đất chôn hồn tứ đại³¹ thêm thương.

Ôi thôi!

Lò đan, lâm quán³² lạnh sương,

Tiểu đàn³³ gió thám thổi tàn hạnh hoa!

Bao nhiêu đạo sĩ những là,

Mùi hương u cảm thấu nhà hư vô.

Lại thỉnh kẻ giang hồ kỳ lý,³⁴

Đường bắc nam trải thứ hành thương.³⁵

Lợi quyền muôn dặm toan đương,

Ngàn vàng trữ lại trong hàng hóa buôn.

風霜不測。身。宵。魚。腹。之。中。
 中。遠。路。難。防。命。喪。羊。腸。之。險。
 嗚。呼。滯。魄。北。隨。雲。霧。夕。客。寬。
 東。遼。水。悠。夕。如。是。他。御。客。
 旅。之。流。惟。願。承。三。室。力。云。
 一。心。召。請。
 戎。衣。戰。士。臨。陣。健。兒。紅。旗。
 影。裡。爭。雄。自。刃。荒。中。敵。命。
 鼓。金。初。震。震。震。腹。破。腸。穿。
 勝。敗。終。分。適。地。肢。離。首。碎。

身。霜。溢。胎。墮。膝。
 魄。跳。遽。北。在。在。
 商。人。斃。罌。沒。浦。
 吏。請。几。趺。衝。戰。陣。
 旗。靡。拂。膝。相。爭。
 肝。脾。湮。蹶。場。鼓。

趾。砂。選。昌。池。塘。鞞。
 寬。蹶。阮。諾。吹。衛。渡。東。
 昭。吟。嗔。証。臥。卻。席。同。
 飭。方。強。犒。絆。袂。兵。
 勸。筇。錡。箔。駟。輜。掇。當。
 脚。胠。涑。涑。挂。干。戈。

崔。喂

[5b] Phong sương bất trắc, thân cao ngư phúc chi trung; đồ bộ nan phòng, mệnh táng dương trường chi hiểm.

Ô hô!

Trệ phách bắc tùy vân âm âm;

Khách hồn đông trực thủy du du.

Như thị tha hương khách lữ chi lưu, duy nguyện thừa Tam bảo lực... vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

Nhung y chiến sĩ; lâm trận kiện nhi. Hồng kỳ ảnh lý tranh hùng; bạch nhận tùng trung địch mệnh. Cổ kim sơ chấnⁱ siếpⁱⁱ thì phúc phá trường xuyên; thắng bại tài phân, biến địa chi ly thủ toái.

ⁱ Sơ chấn: trống trận mới nổi lên.

ⁱⁱ Siếp: một lát, trong chốc lát.

[5b] Thân sương gió, thịt chôn bụng cá; Bước đá mây, xương rã đường dê.³⁶

Ôi thôi!

Phách theo mây bắc sè sè,

Hồn theo ngọn nước xuôi về biển đông!

Thương nhân sau trước một dòng,

Buổi nay xin chứng vào trong tiệc đồng.

Lại thỉnh kẻ lướt xông chiến trận,

Sức phương cường,³⁷ mình bận áo binh,

Cờ điều phút bồng tương tranh,

Trong chòm mũi bạc,³⁸ đem mình chống đương.³⁹

Gan ruột nát theo trường kim cổ,

Da thịt rơi đầy chỗ can qua.

Ôi thôi!

呼漢又黃沙聞鬼哭
 白骨少人收如是陣亡
 卒之流一類孤魂等
 云云
 一心召請
 懷胎十月坐草三朝初欣
 驚鳳和鳴次望熊羆叶夢
 奉茶款唱吉凶只在片辰
 璋瓦未分母子皆歸長夜
 啼花正開辰遺急雨月當
 明庭覆鳥雲如走血湖產
 梗花萎陣霜濕
 當欺肢燎返遠遷侵
 韻奉奉ノ蹕吉
 從尾璋涿涅媿
 崔
 更請凡脫胎進胎
 錙矜余几卒徒
 君已嗔享甘露席齋
 惘鎖咬咬啣魔
 眯眯昌莊埃麻收朱
 錙甜魁滿巴時
 錙匙甜魁滿巴時
 錙匙甜魁滿巴時

[6a] Ô hô!
 Mạc mạc hoàng sa văn quỷ khóc;
 Mang mang bạch cốt thiếu nhân thâu.
 Như thị trận vong binh tốt chi lưu, nhất loại cô hồn
 đẳng chúng... vân vân...
 Nhất tâm triệu thỉnh:
 Hoài thai thập nguyệt; tọa thảo tam triều. Sơ hân
 loan phụng hòa minh, thứ vọng hùng bi hiệp mộng. Phụng
 cung dục xướng, cát hung chỉ tại phiến thì; chương ngôa vi
 phân, mẩu tử giai quy trường dạ.
 Ô hô!
 Hoa chánh khai thì tao cấp vũ;
 Nguyệt đương minh xứ phú ô vân.
 Như thị huyết hồ sản...

[6a] Cát vàng vãng vãng tiếng ma,
 Mờ mờ xương trắng, ai mà thiếu cho!
 Xưa nay mấy kẻ tốt đồ,⁴⁰
 Đêm nay xin hưởng cam lồ tiệc chay.
 Lại thỉnh kẻ kén thai mười tháng,
 Lót chiếu rơm ngồi măn ba ngày.⁴¹
 Trước mừng loan phượng hợp bầy,⁴²
 Sau thời trông giấc hùng bi cho tường.⁴³
 Vân cung phụng phút chương hung cát;
 Tuồng ngôa chương⁴⁴ rơi nát mẹ con.⁴⁵
 Ôi thôi!
 Cành hoa nở, trận sương tuôn
 Đường khi trăng tỏ, gặp luồng mây xâm!

難之流。一類孤塊等原惟
 願承三寶力仗秘密言云云
 一心召請
 戎夷蠻狄暗啞育聾勤勞
 失命傭奴妬忌傷身婢妾
 輕欺三空罪愆等若河沙
 忤逆及親兜惡浮于宇宙
 嗚呼長夜漫又何日曉幽關
 隱又不知春如是膜頑忤
 逆之流一類孤塊等原云云

仍得產難歸陰。 暄判召請未臨法壇。
 吏請几罕方梅榔。 貝仍得啞啞聾。
 苑翰碎似躡燿。 料身候下豈得慳漿。
 輕三寶罪象擺。 逆及親惡汨埃得。
 居長潘又膝晨。 聞霞少又如忝秋冬。
 仍得忤逆頑凶。 法筵嗔証臥靜朱齋。

[6b] ... nạn chi lưu, nhất loại cô hồn đẳng chúng, duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật ngôn... vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

Nhung di man dịch; âm á manh lung. Cẩn lao thất mệnh dung nô; đố kỵ thương thân tỳ thiếp. Kinh khi Tam bảo, tội khiên đẳng nhược hà sa; ngô nghịch song thân, hung ác phù vu vũ trụ.

Ô hô!

Trường dạ man man hà nhật hiểu?

U quan ẩn ẩn bất tri xuân

Như thị sân ngoan bội nghịch chi lưu, nhất loại cô hồn đẳng chúng... vân vân...

[6b] Những người sản nạn quy âm,⁴⁶

Nghe lời triệu thỉnh, lai lâm pháp đàn.

Lại thỉnh kẻ bốn phương mọi rợ,

Với những người ú ớ, điếc đui.

Chết mình tôi tứ lui thui,

Liều thân hậu hạ, bởi người ghen tuông.⁴⁷

Kinh Tam bảo, tội dường cát bãi,

Nghịch song thân, ác dẫy cõi người.

Ôi thôi!

Đêm trường thăm thăm bóng mai,

Cửa mù⁴⁸ thiu thiu như trời thu đông!

Những người bội nghịch ngoan hung,

Pháp diên xin chúng vào trong cho tày.

一心召請
 宮帷美女閨闈佳人臘脂
 畫面爭妍竟爵葉衣競俏
 雲收雨歇塊消金谷之園
 月缺花殘腸斷馬嵬之驛
 嗚呼昔日風流都不見綠楊
 芳草骷髏寒如是裙文婦
 女之流一類孤塊等眾惟
 一心召請
 鐵寒乞丐刑戮囚人過水
 吏請几宮闈且耀
 幅淨脂粉擲饒
 塊雲雨激園谷
 風流時耀兜耒
 仍莊撐卒習矜
 吏請几饒寒乞丐
 窮囚人批沛重刑
 妖薰龍爵驚牟天香
 腴腹花燂消馬嵬
 昌枯冷乃鍾株鞞核
 焙香嗔証席齋否盤
 崔
 崔

[7a] Nhất tâm triệu thỉnh:

Cung vi mỹ nữ; khuê các giai nhân. Yên chi họa diện tranh nghiên, long xạ huân y cạnh tiếu. Vân thâm vũ yết, hồn tiêu Kim Cốc chi viễn; nguyệt khuyết hoa tàn, trường đoạn Mã Ngôi chi dịch.

Ô hô!

Tích nhật phong lưu đô bất kiến;

Lục dương phương thảo khô lâu (4) hàn.

Như thị quần thoa phụ nữ chi lưu, nhất loại cô hồn đảng chúng, duy... ..

Nhất tâm triệu thỉnh:

Cơ hàn khát cái; hình lục tù nhân. Ngô thủy...

[7a] Lại thỉnh kẻ cung khuê thuở trước,

Gái má đào sắc nước kém đâu!

Bức tranh chi phấn đua nhau

Áo huân long xạ, kiêng màu thiên hương.⁴⁹

Hồn vân vũ⁵⁰ tan vườn Kim Cốc;⁵¹

Ruột trắng hoa héo rộc⁵² Mã Ngôi.⁵³

Ôi thôi!

Phong lưu ngày trước đâu rồi,

Xương khô⁵⁴ lạnh lẽo trong chồi cỏ cây!

Những trang xanh tốt xưa nay,

Lửa hương xin chứng tiệc chay bĩ bàng.⁵⁵

Lại thỉnh kẻ cơ hàn khát cái,⁵⁶

Cùng tù nhân mang phải trọng hình.⁵⁷

火以傷身。逢虎狼而失命。
 懸襟服毒。千年怨氣沈。
 雷擊崖崩。一點驚魂漾。
 嗚暮雨青烟寒。鵲噪秋風。
 黃葉亂鴉飛。如是傷亡橫。
 死之流。一類孤魂等眾。惟
 願承三宰力。仗秘密言云云。
 一心召請
 法界六道十類孤魂。面燃
 所統。薜荔等眾。塵沙蘇類。

返災浩焔。害驗。或擗槍。猛激情。胘昌。
 氣怨賣。綾。梁。毒。塊。驚。寫。靈。糊。坡。漂。崔。喂。
 霜朝燠。冷。鵲。噪。蘿。秋。遍。退。習。鴉。慄。
 仍得橫死。碧。矜。甘露。扇。色。產。排。席。香。
 吏請。几。欵。塘。法。界。仍。孤。魂。過。類。兜。低。
 面燃。所。統。沒。稱。納。箕。薜。荔。等。眾。塵。沙。

[7b] ... hỏa dĩ thương thân; phùng hổ lang nhi thất mệnh. Huyền lương, phục độc, thiên niên oán khí trầm trầm; lôi kích, nhai băng, nhất điểm kinh hồn dạng dạng.

Ô hô!

Mô vũ thanh yên, hàn thuốc táo;

Thu phong hoàng điệp loạn nha phi.

Như thị thương vong hoạnh tử chi lưu, nhất loại cô hồn đẳng chúng, duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật ngôn, vân vân...

Nhất tâm triệu thỉnh:

Pháp giới lục đạo, thập loại cô hồn. Diện nhiên sở thống, bệ lệ đẳng chúng. Trần sa chủng loại,...

[7b] Gặp tai nước, lửa hại mình

Hoặc xuong⁵⁸ hùm sói, tan tành thịt xương.

Khí oan mãi dây rường, thuốc độc,⁵⁹

Hồn kinh vì sấm xóc, bờ xiêu.⁶⁰

Ôi thôi!

Mưa chiều khói lạnh, thuốc reo,⁶¹

Lá thu gió thổi, dập dìu nha bay!⁶²

Những người hoạnh tử xưa nay,

Cam lồ rày đã sẵn bày tiệc hương.

Lại thỉnh kẻ sáu đường⁶³ pháp giới,

Những cô hồn mười loại đầu dây.

Diện Nhiên⁶⁴ sở thống một tay,

Nòi kia bệ lệ,⁶⁵ giống này trần sa.

酌酒。	禮三拜。	平身。	跪。	唱牒。
三爵謹行初見禮。	花垓靜坐聽經聲。	上來召請已分明。	惟願來臨鑒下情。	
		等眾惟願承三室力云云	包饒召請仍羅。	英夕嗔拱証戈席尼
		孤鬼自他先七家親眷屬	塊孤魄滯冷汀。	先亡貝几親情新賒。
		依草附木。魑魅魍魎滿魄	娘核鞞膝魔。像。	魑魅和魍魎鬼名。

[8a] ... y thảo phụ mộc, ly mị vãng lượng, trệ phách cô hồn. Tụ tha tiên vong, gia thân quyến thuộc đẳng chúng. Duy nguyện thừa tam bảo lực... vân vân...

Thượng lai triệu thỉnh dĩ phân minh,
 Duy nguyện lai lâm giám hạ tình.
 Tam tước cẩn hành sơ kiến lễ,
 Hoa đàn tĩnh tọa thỉnh kinh thanh.ⁱ
 Chúc tửu, lễ tam bái, bình thân, quy, xướng điệp.

ⁱ Bốn câu này không được diễn Nôm trọn vẹn. Tạm dịch là: Vừa rồi đã mời mọc rõ ràng, theo thứ tự 10 loại cô hồn. Xin các cô hồn đến tham dự, chứng giám lòng thành của trai chủ; Kính dâng 3 chén rượu làm lễ gặp mặt lần đầu, mời các vong linh ngồi thanh thân nghe lời thuyết pháp.

[8a] Nương cây cỏ, bóng ma mừng tượng;
 Ly mị hòa vãng lượng⁶⁶ quý ranh.
 Hồn cô phách trệ lênh đênh,
 Tiên vong với kẻ thân tình gần xa.⁶⁷
 Bao nhiêu triệu thỉnh những là,
 Ai ai xin cũng chứng qua tiệc này.⁶⁸

白 云

蓋聞大地山河之內。空行水陸之中。孤魂滯魄。橫死天亡。上至王侯。相將下至士農工商。尊卑男女。或幽囚囹圄。或步陷沙場。或溺河墮壑。中湯中藥。自刎自縊。產難終身。瘟瘧天逝。或天

白 演 音。

曾。道。歎。散。述。喇。圭。塔。江。山。水。陸。驚。兮。餒。竟。魄。死。亡。噉。嘜。連。錘。幅。王。侯。將。相。帶。錘。得。士。賈。農。工。節。九。章。帝。九。尊。帝。羅。男。帝。羅。女。或。固。几。縶。躬。辭。圍。圍。或。固。得。踣。趾。進。沙。場。或。沙。塔。沙。淫。或。中。湯。中。藥。刀。昂。

[8b] Bạch vân:

Cái văn:

Đại địa sơn hà chi nội; không hành, thủy lục chi trung, cô hồn trệ phách, hoành tử yếu vong, thượng chí vương hầu tướng tướng, hạ chí sĩ nông công thương, tôn ti nam nữ. Hoặc u tù linh ngữ hoặc thiệp hãm sa trường. Hoặc nịch hà dọa tiêm, trúng thang trúng dược, tự vẫn tự ải, sản nạn chung thân, ôn hoàn yếu thế. Hoặc thiên...

[8b] Bạch - diễn âm⁶⁹

Từng nghe đạo cả, kính thuật lời què:

Cõi giang sơn thủy lục ê hề;⁷⁰

Nỗi hồn phách tử vong ngao ngán!

Trên đến bậc vương, hầu, tướng, tướng;

Dưới đến người sĩ, cố, nông, công.

Nào kẻ ti, nào kẻ tôn

Nào là nam, nào là nữ.

Hoặc có kẻ buộc mình trong linh ngữ;⁷¹

Hoặc có người sẩy bước chốn sa trường.

Hoặc sa hãm, sa mương;

Hoặc trúng thang, trúng thuốc.

Dao ngang...

雷震擊王法加刑呪咀
 亡身如斯等類難以
 具陳既無墳墓而可依
 那有祠堂而設處獨立
 涯巢樹下依樓海岸
 灘頭從教雨打風吹不
 覺寒來暑往四辰無覺
 肉以追修八節少親朋

繞縷產難血盆或抹兵瘟或擣鉢靈法
 弄絞斬嘔啞亡身類意彀彀也過澄咧
 悶對對牢朱掣箕娘預塢墓宅跌別市
 祠堂泥柱固之之巴寫邊擺卮核類落
 頭掠漢波苦鞣餒透霜敲釧別余秋冷
 曠遊台販罽鬻市几落齋滿糝節問得

[9a] ... lôi chấn kích, vương pháp gia hình, chú trở vong thân. Như tư đẳng loại, nan dĩ cụ trần. Ký vô phần mộ nhi khả y; ná hữu từ đường nhi thiết xử? Độc lập nhai sào thọ hạ, y thê hải ngạn than đầu. Tùng giao vũ dả phong xuy; bất giác hàn lai thử vãng. Tứ thì vô cốt nhục dĩ truy tu; bát tiết thiếu thân bằng...

[9a] ... dây buộc,
 Sản nạn huyết bồn.
 Hoặc mắc binh ôn;⁷²
 Hoặc xông búa sấm.⁷³
 Phép vua giáo trảm;
 Trù ẻo vong thân.⁷⁴
 Loại áy nhiều, nhiều đã quá chừng;
 Lời muốn kể, kể sao cho xiết.
 Kia nương dựa, mả mồ đã mất biệt.
 Nào từ đường, nơi chỗ có chi chi?
 Bơ vơ bên bãi, dưới cây;
 Loài lạc đầu ghènh, cuối bến.
 Khổ nhiều nổi, gió thu xao xuyên;
 Biết mấy thu, lạnh nóng đổi thay!
 Chấn bốn mùa, nào kẻ lạt chay;
 Mãn tám tiết, vắng người...

而享祭悽又慘又只
 在冥途杳又發冥冥
 求出離幸遇今宵無
 遮之會仗承宏願秘
 密之功河沙白子徒
 茲入聖超凡累世靈親
 自此承恩解脫俱此宗夷蓮
 臺不離當處淨土只

晚懣愁又忆又。埃幽冥別余春秋。霞又
 霞又。塘出離莽醒時。腦會無遮麟族返
 敬娘疏功秘審嚴矜。尼河沙白子羅埃。
 曷返眈道遙埃聖怒累世冤親余几吏。
 茹思解脫安塵。亞孤懣蓮臺。掘邊身。
 汚淨土。戰躡器。稻。信。珣。捧。極。煩。悒。飭。色。

[9b] ... nhi hưởng tế. Thê thê thắm thắm, chỉ tại minh đồ; diểu diểu minh minh, mạc cầu xuất ly.

Hạnh ngộ kim tiêu Vô già chi hội, trượng thừa hoành nguyện bí mật chi công. Hà sa phát tử từng tư nhập thánh siêu phàm; lữ thể oan thân, tự thử thừa ân giải thoát. Di! Liên đài bất ly đương xứ; Tịnh độ chỉ...

[9b] ... đơm quả!

Rầu rầu rỉ rỉ, cõi u minh biết mấy xuân thu;
 Mịt mịt mù mù, đường xuất ly mảng trông ngày tháng.

Hội vô già may vừa gặp khoảng;
 Nương theo công bí mật sớm nay.
 Nay hà sa phát tử⁷⁵ là ai, rày gặp lúc tiêu dao, cõi khách;

Nợ lữ thể oan thân⁷⁶ mấy kẻ, lại nhờ ơn giải thoát nợ trần.

Ở cô hồn ơi!

Ngồi liên đài quanh quất bên thân;
 Miền Tịnh độ chán chường trước mặt.⁷⁷
 Ngón tay búng chẳng phiền nhọc sức,
 Đã...

在目前。不勞彈指證
 無生。即心便參觀自在。
 古文篇終。

● 骷髏讚

昨日荒郊去。既遊忽視一個
 大德骷髏。荆棘叢中草沒
 丘。冷腹又。風吹荷葉倒愁。

油天陰氣冷濕。蘿蓮踞院。遍航迤愁。

巖戈同問。玩遊。覓連大德。骷髏沒蓬。
 翠邊護格。蒨蓬。暮荒。鞞木。余重。樽又。

透魁觀音佛。

証色。歸塢。無生。惡晦。惡。惡本。虛明。慧。衆

● 骷髏讚演音

施食科

十

[10a] ... tại mục tiền. Bát lao đàn chỉ chứng vô sinh;
 tức tâm tiện tham Quán Tự Tại.

Bạch văn thiên chung.

KHÔ LÂU TÁN

Tạc đán hoang giao khứ ngoạ du,
 Hốt phùng nhất cá đại đức khô lâu,
 Kinh cức tùng trung thảo một khâu.
 Lãn sừ sừ,
 Phong xuy hà diệp đảo sâu.

[10a] ... chúng vào trong bực vô sinh.⁷⁸
 Lòng hỏi lòng, lòng vốn hư minh,
 Ấy tham thẩu ngôi Quan Âm Phật.

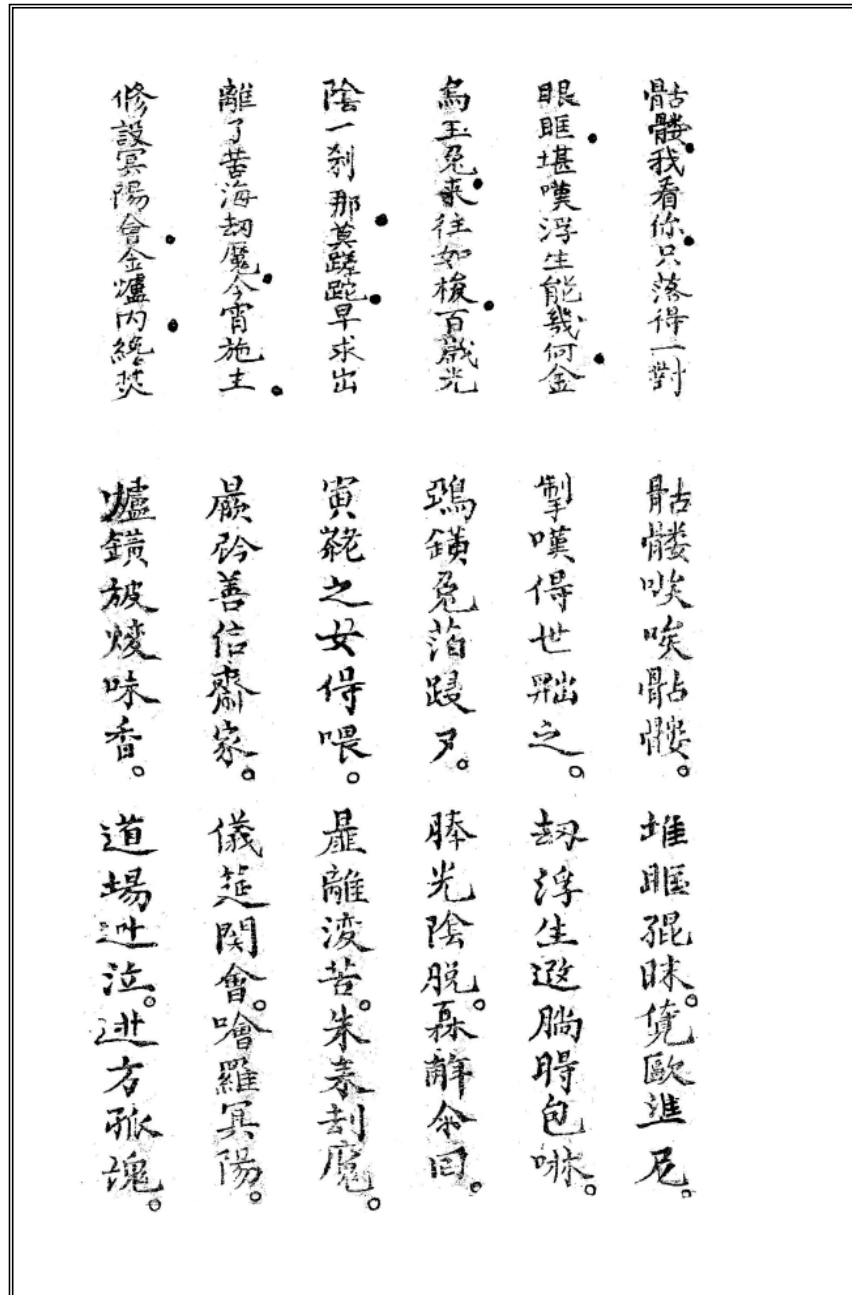
KHÔ LÂU TÁN DIỄN ÂM

Sớm qua, đồng vắng ngoạ du,
 Thấy liền đại đức khô lâu một vòng.
 Bốn bên gai góc bít bùng,
 Mồ hoang cỏ mọc, mấy trùn xanh xanh.
 Dầu dầu âm khí lạnh tanh,
 Lá sen thổi ngọn gió quanh đưa sâu.

吹似雪霜痛肝腸淚汪又。	是誰家一個先亡雨打風。	骷髏你在路傍這君子你。	清又無一個來往弟兄。	清風翠草馬 <small>挑</small> 月作燈冷。	骷髏偏在滴水河邊卧晒。
病台肝脾如鉤。	茄埃亡器沒托。	骷髏啖啖骷髏。	飄又氣冷隊泥。	翻翻荒遙朝器。	骷髏啖啖骷髏。
渾又汙淚如潮湘珠。	霜濕逾腿雪霜恰節。	意得君子於兜邊塘。	黃嬈來往固得帶兜。	鞞扛檢坦肢挑烟吞。	豈得於漢江頭燒又。

[10b] Khô lâu!
 Nhĩ tại trích thủy hà biên,
 Ngọa sái thanh phong thúy thảo,
 Vi khiêu nguyệt tác dăng.
 Lãn thanh thanh,
 Hựu vô nhất cá lai vãng đệ huynh.
 Khô lâu!
 Nhĩ tại lộ bàng giá quân tử,
 Nhĩ thụ thì gia nhất cá tiên vong?
 Vũ dả phong xuy tự tuyết sương.
 Thống can trường,
 Lệ uông uông.

[10b] Khô lâu ơi hỡi khô lâu!
 Quê người ở mé giang đầu thiu thiu.
 Nằm phơi ngọn gió chiu⁷⁹ hiu,
 Cỏ giăng nệm đất, trăng khêu đèn trời.
 Veo veo khí lạnh đòi nơi,
 Anh em lai vãng, có người nào đâu!
 Khô lâu ơi hỡi khô lâu!
 Ấy người quân tử ở đâu bên đường?
 Nhà ai vong trước một chàng,
 Mưa tuôn gió thổi, tuyết sương khác nào!
 Đau thay, gan ruột như bào,
 Chan chan hột lệ như trào dòng châu!



[11a] Khô lâu!

Ngã khán nhĩ chỉ lạc đắc nhất đối nhân khuông.

Kham thán phù sinh năng kỷ hà?

Kim ô ngọc thổ lai vãng như thoa.

Bách tuế quang âm nhất sát na.

Mạc tha đà!

Tảo cầu xuất ly liễu khổ hải kiếp ma.

Kim tiêu thí chủ tu chứng minh dương hội.

Kim lô nội,

Tài phân...

[11a] Khô lâu ơi hỡi khô lâu!

Đôi khuông con mắt thấy âu chón này!⁸⁰

Xiết than người thế ra gì,

Kiếp phù sinh gửi thàng ngày bao lắm?

Ác vàng thỏ bạc xăm xăm,

Bóng quang âm thoát trăm năm mấy hồi!

Dần dà chi nữa người ôi!

Sớm lìa biển khổ cho rồi kiếp ma!

Hôm nay thiện tín trai gia,

Nghi diên mở hội gọi là minh dương.⁸¹

Lò vàng vừa bén mùi hương,

Đạo trường mời khắp mười phương cô hồn.

着宝香廣召孤魂赴道場。
 消罪障受諸福利速往甯。
 普召請真言。南無部部帝哩伽哩哆哩怛哆誡多耶。
 上來召請悉以來臨。孤魂聞召請。十類悉來臨。
 大眾慈悲齊聲嘆掉。大眾慈悲念。齊聲起掉音。
 掉文。
 葬文演音。

[11b] ... trước bảo hương
 Quảng triệu cô hồn phó đạo trường.
 Tiêu tội chướng
 Thọ triêm phúc lợi.
 Tốc tốc vãng thượng Tây phương.

Phổ triệu thỉnh chân ngôn:

Nam mô bộ bộ đế rị già rị đa rị đát da nga da da.
 Thượng lai triệu thỉnh,
 Tất dĩ lai lâm.
 Cô hồn văn triệu thỉnh
 Thập loại tất lai lâm.
 Đại chúng từ bi,
 Tê thanh thán trạo.
 Đại chúng từ bi niệm
 Tê thanh khởi trạo âm.ⁱ

TRẠO VĂNⁱⁱ

ⁱ Vừa rôi triệu thỉnh, Đều đã đến rôi. Cô hồn nghe triệu thỉnh, Mười loại đều đến rôi. Đại chúng từ bi, Đều cùng hát trạo. Đại chúng từ bi hát, Đồng thanh hát một lời.

ⁱⁱ Trạo (掉), còn viết là 擗, là mái chèo ghe thuyền. Trạo ca là điệu hát xưa kia, phỏng theo lối hát chèo dò ở Trung Quốc. Bài Thu phong từ của Hán Vũ Đế có câu: "Phiếm lâu thuyền hệ tế Phần hà, tiêu cổ minh hệ phát trạo ca." (Cưỡi thuyền lâu chừ, vượt sông Phần; đánh trống thổi địch chừ, vung chèo ca.) Phật giáo đã dùng lối hát này để truyền bá giáo lý, vì âm điệu dễ lời cuốn, thu hút của nó.

[11b] Bao nhiêu tội chướng để đôn,
 Bây giờ tiêu hết, chi còn nữa đâu!
 Ôn trên phước lợi thấm màu,
 Mau mau dời bước lên châu tây phương!⁸²

TRẠO VĂN DIỄN ÂM

戚侯王。玉葉金枝貴。宰	近代先朝帝。至尊榮位勲。	濟孤魂。來受甘露味。	佛宣揚。秘密功德力。拔	苦觀音。現示焦面鬼。念	修設齋筵。阿難因緣起。救
侯王勲。滅噪名。	器低朝代群傳。	渡得十類冤。	念句無佛慈悲。	觀音救苦色傳。	巖矜供施齋壇。
核鑽蘿玉。習情嗜。郎。	蓮魁帝主。產權尊榮。	味甘露意。享色沒蕃。	宣判秘密德。能功高。	現示焦面鬼。形選台。	曳 <small>術</small> 回緣。返阿難。機。焚。

[12a] Tu thiết trai diên,
A Nan nhân duyên khởi,
Cứu khổ Quán Âm,
Hiện thị Tiêu Diện quỷ,
Niệm Phật tuyên dương,
Bí mật công đức lực.
Bạt tế cô hồn,
Lai thọ cam lộ vị.
Cận đại tiên triều,
Đế chủ tôn vinh vị.
Huân thích hầu vương,
Ngọc diệp kim chi quý.
Tể ...

[12a] Hôm nay cúng thí trai đàn,
Dậy hồi duyên gặp A Nan cơ lành.⁸³
Quan Âm cứu khổ đã đành,
Hiện làm tiêu diện quỷ hình⁸⁴ lạ thay!
Niệm câu Mô Phật từ bi,
Tuyên lời bí mật, đức dày công cao.
Độ người thập loại nao nao,
Mùi cam lộ ấy hưởng vào một phen.
Trước đây triều đại còn truyền,
Lên ngôi đế chủ sẵn quyền tôn vinh.
Hầu vương, huân thích vang danh,
Cây vàng lá ngọc⁸⁵ rập rình tiếng sang.

國遊魂。來受甘露味。	寵懷慶。謫降邊邦地。戀	化黎民。未遂忠良志。失	國士朝臣。經緯匡辰世。收	執中宮。姝女嬪妃類。夢	斷花脣。來受甘露味。
魂群昭悅江山。	功悉餒主權傷。沛欺謫降。賒塘邊邦。	慎民怖化神綾。市能諸遂。邪惡忠良。	行國士。竭朝臣。育昂魁。埃紅塵。勳衝。	中宮宰執大官。箕莊姝女。怒行嬪妃。	恬花脣。色捲移。味甘露。享。席尼沛庄。

[12b] ... chấp trung cung,
 Thể nữ tần phi loại.
 Mộng đoạn hoa tư,
 Lai thọ cam lộ vị.
 Quốc sĩ triều thần,
 Kinh vĩ khuông thời thế.
 Mục hóa lê dân,
 Vị toại trung lương chí.
 Thất sủng hoài ưu,
 Trích giáng biên bang địa.
 Luyện quốc du hồn,
 Lai thọ cam lộ vị.

[12b] Trong cung tế chấp đại quan,⁸⁶
 Kìa trang thể nữ, nọ hàng tần phi.
 Đềm⁸⁷ hoa tư sắc dứt đi,
 Mùi cam lộ hưởng tiệc nì phải chăng.
 Hàng quốc sĩ, bực triều thần,
 Dọc ngang trong cõi hồng trần giúp xong.
 Chấn dân bủa hóa⁸⁸ trong vòng,
 Nào hay chưa toại tấm lòng trung lương.
 Đau lòng nổi chúa thối thương,
 Phải khi trích giáng xa đường biên bang.
 Hồn còn trứ⁸⁹ cõi giang san,
 Tiệc cam lộ vị vội vàng dời chân.

雪偷光。苦志寒窗內。命	學古窮經。錦繡文章。士。映	戰南征。失陷沙場內。爲	陣交鋒。鑼鼓喧天地。北	武士戎臣。統領三軍隊。結
膝光沆雪。曠。蹠。	仍得學古窮經。	恥身爲落麻亡。	彬稱陣。鞞。鏑。	得武士几戎臣。
志。馳。奔。數。粵。競。別。色。	式文章。審如形。錦。純。	戰場ノ。踟。躕。得。色。軒。	穢。吮。路。坦。鉦。噤。嘩。全。	沒。疆。統。領。三。軍。遁。閑。

[13a] Vũ sĩ hung thân,
 Thống lĩnh tam quân đội.
 Kết trận giao phong,
 La cổ huyền thiên địa.
 Bắc chiến, nam chinh,
 Thất hãm sa trường nội
 Vị quốc vong khu,
 Lai thọ cam lộ vị.
 Học cổ cùng kinh,
 Cẩm tú văn chương sĩ.
 Ánh tuyết thấu quang,
 Khổ chí hàm song nội.
 Mệnh ...

[13a] Người vũ sĩ, kẻ hung thân,
 Một tay thống lĩnh ba quân rộn ràng.
 Bắn xăng⁹⁰ trong trận mũi vàng,
 Trống rầm⁹¹ rộ đất, chiêng vang rân trời.
 Đánh nam, dẹp bắc bời bời,
 Chiến trường phứt sẩy chân người vào trong.
 Tắm thân vì nước mà vong,
 Tiệc cam lộ chứng hội đồng đêm thanh.
 Những người học cổ cùng kinh,⁹²
 Thức văn chương khéo như hình gấm thêu.
 Bóng quang hột tuyết dòm theo,
 Chí trong cửa sổ ngật nghèo biết bao!⁹³

焰回光來受甘露味。	往寒來不覺無常至返。	道尋師只為超生死暑。	割愛辭親早入空門內訪。	又幽魂來受甘露味。	運蹉跎金榜無名字鬱。
回光燭亦膝移。	硯包冷曠嗟魷。	尋柴晦道禪尊。	仍得割愛辭親。	香魂營又幽靈。	蹉跎命運少牢。
味甘露享是矜舌盤。	事無常色細翰帶飽。	初為悶脫魂縶死生。	肅空塵色蹊路色飽。	味甘露色產擔席春。	榜鎖拏覽眩帶題名。

[13b] ... vận tha đà,
Kim bảng vô danh tự.
Uất uất u hồn,
Lai thọ cam lộ vị.
Cát ái từ thân,
Tảo nhập không môn nội.
Phổng đạo tâm sư,
Chỉ vị siêu sinh tử.
Thử vãng hàn lai,
Bất giác vô thường chí.
Phản chiếu hồi quang,
Lai thọ cam lộ vị.

[13b] Tha đà mệnh vận⁹⁴ làm sao,
Bảng vàng chẳng thấy lúc nào đề danh!
Hương hồn uất uất u linh,
Mùi cam lộ đã sẵn dành tiệc xuân.
Những người cát ái từ thân,⁹⁵
Cửa không sớm đã chân lún vào trong.
Tìm thầy hỏi đạo Thiên tông,
Chút vì muốn thoát, khỏi vòng tử sinh.
Trải bao nóng lạnh xoay quanh,
Sự vô thường đã tới mình nào hay!
Hồi quang⁹⁶ soi chút bóng day,
Mùi cam lộ hưởng đêm nay bỉ bàng.

施食科 十四	女貞妻。視死如歸去。仗 仍得烈女貞妻。 丐身醜。如衛姬。又。	孝子賢孫。義勇忠良士。烈 仍得猛討詔。荃。 貝得義勇。忠誠誓翼。	恋蓮形。來受甘露味。 崔竹惜悴遺形。 席甘露色。產搯味清。	行勞神。指望登仙位。莫 勞被苦。銜際番。 指蒙蓮鄧。勉仙買停。	藥燒丹。養性還元氣。苦 煉凡策。煬爐丹。 養神丐性。未還氣元。	羽服黃冠。早發修真志。煉 仍得羽服黃冠。 崖它決志。蹕塘修真。
-----------	--------------------------------------	--	-------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------	---------------------------------------

[14a] Vũ phục hoàng quan,
 Tảo phát tu chân chí.
 Luyện dược thiêu đan,
 Dưỡng tính hoàn nguyên khí.
 Khổ hạnh lao thần,
 Chỉ vọng đăng tiên vị.
 Mạc luyến di hình,
 Lai thọ cam lộ vị.
 Hiếu tử, hiền tôn,
 Nghĩa dũng trung lương sĩ.
 Liệt nữ trinh thê,
 Thị tử như quy khứ.
 Trượng ...

[14a] Những người vũ phục hoàng quan,
 Sớm đà quyết chí theo đường tu chân.
 Luyện hoàn thuốc, nấu lò đơn,
 Dưỡng trong cái tính cho hoàn khí nguyên.
 Lao bì khổ hạnh đòi phen,
 Chỉ mong lên đăng ngôi tiên mới đành.
 Thôi đừng tiếc xót dị hình,
 Tiệc cam lộ đã sẵn dành mùi thanh.
 Những người con thảo cháu lành,
 Với người nghĩa dũng trung thành xưa kia.
 Những người liệt nữ trinh thê,
 Cái thân coi chết như về đâu đâu.

淨幽塊。未受甘露味。	了無爲。流浪虛生死。清	鳳緣空。不染人間事。未	女道尼徒。身住黃金地。爲	耿靈塊。未受甘露味。	節亡軀。千古番黃氣。耿
塊得潘。又清又。	群諸了。卸無爲。	鳳爲補。控緣分。	仍得女道尼徒。	塊群煙。又靈天。	具得仗節亡軀。
味甘露。色菲情未泯。	渌瀟溪。浪點妨死生。	人間極。染事塵劫帶。	準黃金。意辭務。邀身。	典依享受。沒筵甘露。	氣精黃。底新秋。群停。

[14b] ... tiết vong xu,
 Thiên cổ lưu anh khí.
 Cảnh cảnh linh hồn,
 Lai thọ cam lộ vị.
 Nữ đạo ni đồ,
 Thân trụ hoàng kim địa,
 Loan phụng duyên không,
 Bất nhiễm nhân gian sự.
 Vị liễu vô vi,
 Lưu lãng hư sinh tử.
 Thanh tĩnh u hồn,
 Lai thọ cam lộ vị.

[14b] Với người trượng tiết vong khu,⁹⁷
 Khí tinh anh để ngàn thu còn truyền.
 Hồn còn chói chói linh thiêng,
 Đến đây hưởng thọ một diên cam lộ.
 Những người nữ đạo, ni đồ,⁹⁸
 Chốn hoàng kim⁹⁹ ấy bốn mùa gửi thân.
 Phụng loan¹⁰⁰ bỏ không duyên phận,
 Nhân gian chẳng nhiễm sự trần chút nao!
 Còn chưa liễu dạng vô vi,¹⁰¹
 Nước trôi, sóng lững, ra gì tử sinh?
 Hồn người thăm thẳm thanh thanh,
 Mùi cam lộ đã phỉ tình cho đây.

地 卜 五	地理天文。醫藥陰陽類。卜。	仍得地理天文。	藝能醫藥斫神陰陽。
	卦占龜風鑑并星士報。	卦卦易數龜鑽。	几精曉過得詳拂辟。
	吉談凶難免無常對。	噴得出古別色。	無常髡塊芒色幻身。
	捨偽歸真。來投其露味。	長扇捨偽歸真。	甘露飽滿。過分席香。
	坐賣行商。蘇又經營。	仍得坐賣行商。	歌色饒網。外塘經營。

術多能。貿易求財利。背。

 龜能藝業謀生。

 算方財利。軒轅半奔。

[15a] Địa lý, thiên văn,
 Y dược, âm dương loại.
 Bốc quải, chiêm y,
 Phong giám tính tinh sĩ.
 Chấp cát đàm hung,
 Nan miễn vô thường đối.
 Xả ngục quy chân,
 Lai đầu cam lộ vị.
 Tọa mãi hành thương,
 Chung chủng kinh doanh bối.
 Nghệ thuật đa năng,
 Mậu dịch cầu tài lợi.
 Bội ...

[15a] Những người địa lý, thiên văn,
 Nghề hay y dược, chức thần âm dương.
 Bói quẻ Dịch, xử rùa vàng,¹⁰²
 Kê tinh coi gió, người tưởng bùa sao.¹⁰³
 Mách người hung cát¹⁰⁴ biết bao,
 Vô thường dễ khỏi mang vào huyền thân!
 Thì rày xả ngục quy chân,
 Cam lộ bảo mẫn¹⁰⁵ mười phần tiệc hương.
 Những người tọa mãi hành thương,¹⁰⁶
 Cả bao nhiêu món ngoài đường kinh doanh.
 Lắm hay nghề nghiệp mưu sanh,
 Toan phương tài lợi trong vành bán buôn.

離黃泉。受甘露味。	疾天災。凍死饒亡輩。速	命謀財。債主冤家顯。惡	犯法遭刑。牢獄長幽繫。賢	勞愁。又承受甘露味。	井離鄉。死在他方地。旅
海鎖急。又移躡。	得疾惡。几突出。	害得算。裊貼得。	仍得犯法。遭刑。	沒悟旅。夢鴻又。	去 <small>智</small> 智 <small>者</small> 御 <small>者</small> 井 <small>者</small> 補 <small>者</small> 龍
味甘露。意受分清香。	或羅樹。渴冷奄亡身。	冤家債主。阻農市衝。	幽囚縲買。裊鞦臥泥。	味甘露。色泣搗幽冥。	堯塲坦客。既風景得。

[15b] ... tỉnh ly hương,
 Tử tại tha phương địa.
 Lữ mộng du du,
 Lai thọ cam lộ vị.
 Phạm pháp tao hình,
 Lao ngục trường u hệ.
 Phụ mệnh mưu tài,
 Trái chủ oan gia loại.
 Ác tật, thiên tai,
 Đổng tử cơ vong bối.
 Tốc lý hoàng tuyền,
 Lai thọ cam lộ vị.

[15b] Quê xưa hương tỉnh¹⁰⁷ bỏ luân,
 Chết chôn đất khách theo phong cảnh người.
 Một đêm lữ mộng vui vơi,¹⁰⁸
 Mùi cam lộ đã khắp vời u minh
 Những người phạm pháp tao hình,
 U tù buộc mãi lấy mình vào nơi.
 Hại người, toan lấy của người,
 Oan gia trái chủ trả đời nào xong!
 Người tật ác, kẻ tai hung,¹⁰⁹
 Hoặc là đói khát lạnh lùng vong thân.
 Tuổi vàng kíp kíp dời chân,
 Mùi cam lộ ấy thọ phần thanh hương.

施食科 十六	馬踏車傷墻壓身形碎。鬼 擊雷轟自剎懸標縊水 火焚漂虎咬鮫鱗類九 橫狄魂來受甘露味 飲血茹毛生長警夷地負 債橫勞舞妾弄奴隸音	仍得取踏車傷 几衝桶鬼靈至 或羅水火遭殃 魂得九橫沈又 仍得飲血茹毛 施功廢阻妾髡 几心蘭蘭得誰仞碎	墻埽身惶如普施凍 几甘自剎得辰懸標 几衝毒烙得王四捨 汽甘露洒灑又掣包 柱生長奉於包警夷 卒
-----------	--	--	---

[16a] Mã đạp xa thương,
 Tường áp thân hình toái.
 Quỷ kích lôi oanh,
 Tự vẫn huyền lương ái.
 Thủy hỏa phân thiêu,
 Hồ giảo xà thương loại.
 Cửu hoạnh cô hồn,
 Lai thọ cam lồ vị.
 Ẩm huyết nhự mao,
 Sinh trưởng man di địa.
 Phụ trái thường lao,
 Tỳ thiếp tinh nô lệ.
 Âm ...

[16a] Những người ngựa đạp xe thương,
 Vách dè thân nát như tương rã rời.
 Kẻ xuyên¹¹⁰ roi quỷ, sấm trời,
 Kẻ cam tự vẫn, người thời huyền lương.
 Hoặc là thủy hỏa tao ương,¹¹¹
 Kẻ xuyên độc rắn, người vương miệng hùm.
 Hồn người cứu hoạnh¹¹² dầm dẫm,
 Hột cam lộ tươi dầm dẫm xiết bao!
 Những người ẩm huyết nhự mao,¹¹³
 Chỗ sinh trưởng tuốt ở vào man di.
 Thi công mà trả nợ dày,
 Kẻ làm bé mọn, người thời tớ tôi.

惡孤塊。未受甘露味。	見深沈。苦報無邊際。	佛歎僧。毀像焚經傷。	忤逆爺娘。怨曠天和地。	受冤塊。未受甘露味。	啞盲聾。殘疾無依恃。
魂得十惡傷。喂。	難條邪見沈迷。	仍得咬佛輕僧。	仍得忤逆妖吒。	竟得冤苦別包。	或得哄喇聾聩。
味甘露享。朱耒席花。	紹劫苦報。驚凌極崔。	焮經毀像。凶與劫皮。	怨鳩歪曠。嚙囉坦朋。	味甘露享。汜波席花。	疾瘡極固。泥株突臥。

[16b] ... á manh lung,
 Tàn tật vô y thị.
 Khổ thọ oan hồn,
 Lai thọ cam lộ vị.
 Ngổ nghịch gia nương,
 Oán độc thiên hòa địa.
 Báng Phật, khi tăng,
 Hủy tượng phần kinh kệ.
 Tà kiến thâm trầm,
 Khổ báo vô biên tế.
 Thập ác cô hồn,
 Lai thọ cam lộ vị.

[16b] Hoặc người ngọng lịu, điếc đui,
 Tật nguyên chẳng có nơi chui đụt vào.
 Hồn người oan khổ biết bao,
 Mùi cam lộ hưởng đầy dào tiệc hoa.
 Những người ngổ nghịch mẹ cha,
 Oán cừu trời rộng, mắng la đất bằng;¹¹⁴
 Những người chê Phật, khinh tăng,
 Đốt kinh, hủy tượng, hung hăng nhiều bề.
 Lắm điều tà kiến đắm mê,
 Chịu trong khổ báo ê dề chẳng thôi.
 Hồn người thập ác¹¹⁵ thương ôi,
 Mùi cam lộ hưởng cho rồi tiệc hoa.

大施門開。荐拔孤魂。啖。朱。魔。孤。鬼。
 先亡五姓。冤家。類。人。
 難三難。等。俱。超。齊。仗。
 佛光。顯。變。甘露。味。
 阿彌陀佛。有。無。邊。誓。願。
 見。迷。途。善。惡。業。障。滌。濁。垂。
 阿彌陀佛。苦。提。
 塘。送。觀。覓。眼。前。
 漑。漂。渡。苦。連。夕。慘。台。
 青。茹。大。施。開。顯。
 先。亡。和。祖。和。尊。
 塘。三。難。糞。少。之。
 包。饒。乎。等。屠。尼。超。邊。
 憇。頂。佛。法。光。明。
 味。甘。露。享。沒。蓮。鷺。等。
 碧。箕。產。園。剎。善。要。邊。

施食科
 十七

[17a] Đại thí môn khai,
 Tiến bặt cô hồn bối.
 Tổ nễ tiên vong,
 Ngũ tính oan gia loại.
 Bát nạn, tam đồ,
 Bình đẳng câu siêu tế.
 Trương Phật quang minh,
 Lai thọ cam lộ vị.
 A-di-dà Phật,
 Túc hữu vô biên thệ.
 Quan kiến mê đồ,
 Khổ hải thường phiêu nịch.
 Thùy ...

[17a] Cửa nhà đại thí mở ra,
 Hãy xin tiến bặt¹¹⁶ cho ma cô hồn.
 Tiên vong hòa tổ hòa tôn,
 Oan gia năm họ¹¹⁷ cũng dồn về đây.
 Đường ba, nạn tám¹¹⁸ thiếu chi,
 Bao nhiêu bình đẳng đem nì siêu thăng.
 Cậy chưng Phật pháp quang minh,
 Mùi cam lộ hưởng một diên ê hê.
 A-di-dà Phật Bô-dê,
 Xưa kia sẵn có lời thề vô biên.¹¹⁹
 Đường mê trông thấy nhân tiên,
 Đắm phiêu biển khổ liên liên thấm thay!

卷。伽羅帝耶娑婆訶。破地獄真言。
 以下俱各三。稱
 若人歎了知。三世一切佛。應觀法界性。一切惟心造。
 入小象山法
 于愍。特駕慈航。濟普
 載眾生。同赴蓮池會。
 愧。又倍。捨。仁。無。
 船。慈。探。端。毘。瑠。毘。瑠。每。得。
 融。船。濟。遠。埃。又。眾。生。條。典。會。泥。蓮。池。

[17b] ... thủ ân cần,
 Đặc giá từ hàng tế.
 Phổ tái chúng sinh,
 Đồng phó liên trì hội.

NHẬP TIỂU MÔNG SƠN PHÁP

Nhược nhân dục liễu tri,
 Tam thế nhất thiết Phật.
 Ứng quán pháp giới tính,
 Nhất thiết duy tâm tạo.ⁱ

Dĩ hạ câu các tam xưng.ⁱⁱ

Úm [Án], già ra đế da ta bà ha.
 (Phá địa ngục chân ngôn)

ⁱ Phần này không được diễn Nôm, tạm dịch là: Nếu ai muốn hiểu rõ, Ba đời mười phương Phật; Nên quán tính các pháp; Thấy đều do tâm tạo. (Bài kệ này trích từ Kinh Hoa nghiêm.)

ⁱⁱ Từ đây trở xuống mỗi câu đều đọc 3 lần.

[17b] Ngùi ngùi vội xủ hai tay,
 Thuyền từ chống thẳng vớt ngay mọi người.
 Trong thuyền chứa chở ai ai,
 Chúng sinh đều đến hội nơi liên trì.¹²⁰

(Từ đây đến giữa trang 21b không có phần diễn Nôm, chỉ in toàn chữ Hán.)

南無部部帝哩。伽哩多哩怛唵。誦多耶。普召請真言。

菴。三陀囉伽陀娑娑訶。解寃結真言

南無大方廣佛華嚴經。

南無常住十方。佛。法。師。

南無本師釋迦牟尼佛。

南無大悲觀世音菩薩。

[18a] Nam mô bộ bộ đế rị già rị đa rị đát đa nga đa da.

(Phổ triệu thỉnh chân ngôn)

Úm [Án], tam đà ra già đà ta bà ha.

(Giải oan kết chân ngôn)

Nam-mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh

Nam-mô thường trụ thập phương Phật

Nam-mô thường trụ thập phương Pháp

Nam-mô thường trụ thập phương Tăng

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Nam-mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

南無冥陽救苦地藏王菩薩。

南無啟教阿難隨尊者。

從身語意之所生。

一切佛子皆懺悔。

佛子所造諸惡業。

皆由無始貪嗔癡。

[18b] Nam-mô Minh Dương Cứu Khổ Địa Tạng Vương Bồ Tát

Nam-mô Khải giáo A-nan-đà Tôn giả.

Quy y Phật

Quy y Pháp

Quy y Tăng

Quy y Phật, Lương túc tôn.

Quy y Pháp, Ly dục tôn.

Quy y Tăng, Chúng trung tôn.

Quy y Phật cánh.

Quy y Pháp cánh.

Quy y Tăng cánh.

Phật tử sở tạo chư ác nghiệp.

Giai do vô thủy tham sân si,

Tùng thân, ngữ, ý chi sở sinh,

Nhất thiết Phật tử giai sám hối.ⁱ

ⁱ Đoạn này không diễn Nôm, tạm dịch là: “Bao nhiêu nghiệp ác mà Phật tử đã gây ra, đều do sự tham, sân, si từ vô thủy đến nay; từ nơi hành vi, lời nói và ý nghĩ phát sinh ra; tất cả [những điều ấy] Phật tử đều xin sám hối.”

衆生無邊普願度。
 法門無量普願學。
 自性眾生普願度。
 自性法門普願學。
 煩惱無盡普願斷。
 佛道無上普願成。
 自性煩惱普願斷。
 自性佛道普願成。
 阿嚕勒。娑婆訶。
 減業障真言。
 鉢鉢。囉末鄰陀。娑婆訶。
 減定業真言。

[19a] Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ,
 Phiên não vô tận, thệ nguyện đoạn,
 Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học.
 Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành.ⁱ

Úm [Án], bát ra mạt, lân đà nính [nãnh] ta bà ha.
 (Diệt định nghiệp chân ngôn)

Úm [Án], a rô [lồ] lặc ké ta bà ha.
 (Diệt nghiệp chướng chân ngôn)

ⁱ Đoạn này cũng không diễn Nôm, tạm dịch là: Chúng sinh nhiều vô số, thệ nguyện đều độ hết; phiên não nhiều vô tận, thệ nguyện đều dứt sạch; pháp môn nhiều vô lượng, thệ nguyện đều học hết; Phật đạo là vô thượng, thệ nguyện sẽ thành tựu.

菴。步。步。帝。哩。加。哆。哩。但。哆。誡。哆。耶。開。咽。喉。真。言。
 菴。三。昧。耶。薩。埵。梵。三。昧。耶。戒。真。言。
 南。無。薩。疇。但。他。誡。哆。疇。嚕。枳。帝。菴。三。跋。囉。三。跋。囉。吽。
 南。無。蘇。嚕。娑。耶。但。他。誡。哆。耶。但。姪。他。菴。蘇。嚕。蘇。嚕。鉢。囉。
 蘇。嚕。鉢。囉。蘇。嚕。娑。娑。訶。甘露。水。真。言。
 菴。跋。跋。跋。跋。一字。水。輪。真。言。

[19b] Úm [Án], bộ bộ đế rị già đa rị dát đa nga đa da.

(Khai yết hầu chân ngôn)

Úm [Án], tam muội da tát đỏa phạm
(Tam muội da giới chân ngôn).

Nam mô tát phược [phạ] dát tha nga da [đa] phược [phạ] rô [lồ] chỉ đế, úm [án] tam bạt ra tam bạt ra hồng.ⁱ

Nam mô tô rô bà da, dát tha nga đa da, dát diệt tha. Úm [Án] tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô ta bà ha.

(Cam lộ thủy chân ngôn)

Úm [Án], mâm [noan] mâm [noan] mâm [noan] mâm [noan] mâm [noan].

(Nhất tự thủy luân chân ngôn)

ⁱ Chú biến thực, hay Biến thực chân ngôn.

施食科

二十

南無三滿多母。狀喃。菴。瓊。乳。海。真。言。

南無多宝

南無宝勝

南無妙吉祥

南無離怖畏

南無妙吉祥

南無離怖畏

南無阿彌陀

南無甘露王

南無廣博身

神咒加持淨法食。

普施河沙眾孤鬼。

願皆飽滿捨慳貪。

速脫幽冥生淨土。

皈依三寶發菩提。

究竟得成無上道。

[20a] Nam mô tam mãn đa mẫu [một] đà nam [năm] úm [án] mâm [noan].

(Nhũ hải chân ngôn)

- Nam-mô Đa Bảo Như Lai.
- Nam-mô Bảo Thắng Như Lai.
- Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai
- Nam-mô Ly Bố Úy Như Lai.
- Nam-mô A-di-đà Như Lai.
- Nam mô Cam Lộ Vương Như Lai.
- Nam-mô Quảng Bác Thân Như Lai.

Thần chú gia trì tịnh pháp thực,
 Phổ thí hà sa chúng cô hồn.
 Nguyện giai bão mãn, xả khan tham,
 Tốc thoát u minh, sinh Tịnh độ.
 Quy y Tam bảo, phát bồ-đề,
 Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo.

菴。移。力。陵。娑。婆。訶。
 施無遮食真言。
 菴。誡。誡。衆。三。娑。嚩。伐。日。囉。斛。
 普回迴真言。畢
 誦心經。往生三遍。
 菴。娑。摩。囉。娑。摩。囉。彌。摩。曩。薩。哈。囉。摩。訶。咱。哈。囉。吽。
 真言。

功德無邊盡未來。
 一切孤鬼同法食。
 汝等孤鬼眾。我今施汝供。此食通十方。一切孤鬼共。
 願以此功德。普及於一切。我等與孤魂。皆共成佛道。

[20b] Công đức vô biên tận vị lai,
Nhất thiết cô hồn đồng pháp thực.ⁱ

Nhữ đẳng cô hồn chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng.
Thử thực biến thập phương,
Nhất thiết cô hồn cộng.ⁱⁱ

Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhất thiết.
Ngã đẳng dĩ cô hồn,
Giai cộng thành Phật đạo.ⁱⁱⁱ

Úm [Án], mục lực lăng ta bà ha.
(Thí vô già thực chân ngôn)

Úm [Án], nga nga nã [nã] tam bà phược [phạ]
phạt nhật ra hộc.
(Phổ hồi hương chân ngôn.)

Tất. Tụng Tâm kinh, Vãng sinh tam biến.^{iv}

Úm [Án], ta [sa] ma ra, ta [sa] ma ra, di ma nã
[nã], tát cáp ra ma, ha cha cáp ra hồng.
(Phổ hồi hương chân ngôn)

ⁱ Bài này không có phần diễn Nôm, tạm dịch là: “Thần chú gia trì làm thanh tịnh pháp thực; bố thí cho vô số chúng cô hồn; nguyện đều được no đủ, lìa bỏ sự tham lam keo lặn, mau thoát khỏi chốn tối tăm sinh về Tịnh độ. Quy y Tam bảo, phát tâm Bồ-đề, cuối cùng thành tựu đạo Vô thượng; công đức trong tương lai không kể xiết, tất cả cô hồn cùng thọ hưởng pháp thực.”

ⁱⁱ Bài này cũng không có phần diễn Nôm, tạm dịch là: “Hỡi các loài cô hồn, nay chúng tôi cúng thí thực cho các vị; thức ăn này biến hóa ra đây khắp mười phương, tất cả cô hồn đều chung hưởng.”

ⁱⁱⁱ Bài này cũng không có phần diễn Nôm, tạm dịch là: “Nguyện đem công đức này, hưởng về khắp tất cả; chúng tôi và tất cả cô hồn, đều thành tựu Phật đạo.”

^{iv} Câu này không diễn Nôm, có nghĩa: “Đến đây là hết. Tụng [thêm] Tâm kinh và [chú] Vãng sinh ba lần.”

南無超十地菩薩摩訶薩。三祿。

河沙餓鬼證三賢。

四生登於寶地。

萬類有情登十地。

三有托化蓮池。

願晝吉祥。夜吉祥。晝夜六辰。恒吉祥。一切辰中吉祥者。

[21a] Nguyên trú cát tường, dạ cát tường.
 Trú dạ lục thì hằng cát tường.
 Nhất thiết thì trung cát tường giả.ⁱ
 Nguyên chư Thượng sư ai tiếp [nhiếp] thọ.ⁱⁱ
 Nguyên trú cát tường, dạ cát tường.
 Trú dạ lục thì hằng cát tường.
 Nhất thiết thì trung cát tường giả.
 Nguyên chư Tam bảo ai tiếp [nhiếp] thọ.
 Nguyên trú cát tường, dạ cát tường.
 Trú dạ lục thì hằng cát tường.
 Nhất thiết thì trung cát tường giả.
 Nguyên chư Hộ pháp thường ủng hộ.
 Tứ sinhⁱⁱⁱ đặng ư bảo địa;
 Tam hữu^{iv} thác hóa Liên trì.^v
 Hà sa nga quý chứng Tam hiền;^{vi}
 Vạn loại hữu tình đặng Thập địa.^{vii}
 Nam-mô Siêu Thập Địa Bồ-Tát Ma-ha-tát. (Tam xưng)^{viii}

ⁱ Ba câu này được lặp lại trong cả 3 đoạn của bài nguyện này, hướng về ba đối tượng. Nội dung tạm dịch là: “Nguyên ngày an lành, đêm an lành; đêm ngày sáu thời đều an lành, trong khoảng giữa tất cả mọi thời cũng đều được an lành.”

ⁱⁱ Chữ “tiếp (接) thọ” ở đây trong phần lớn các nghi thức phổ biến đều đọc theo thói quen là “nhiếp thọ”.

ⁱⁱⁱ Tứ sinh: 4 cách chúng sinh sinh ra, gồm thai sinh (sinh từ bào thai), noãn sinh (sinh từ trứng), thấp sinh (sinh từ chỗ ẩm thấp) và hóa sinh (do biến hóa sinh ra), dùng chỉ chung tất cả muôn loài.

^{iv} Tam hữu: chỉ ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh thọ nghiệp trong luân hồi đều không ra ngoài ba cõi này.

^v Trong hai câu này dùng tứ sinh và tam hữu để chỉ chung tất cả chúng sinh, nguyện cho đều được siêu thăng, giải thoát. Bảo địa (đất báu) và Liên trì (hồ sen) đều là những biểu tượng của cõi Cực Lạc phương Tây, nơi đức Phật A-di-đà thuyết pháp độ sinh. Người sinh về Cực Lạc đều được hóa sinh từ hoa sen.

^{vi} Tam hiền: ba nhóm quả vị được chứng đắc trên đường tu tập, bao gồm Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng.

^{vii} Thập địa: 10 địa vị cuối cùng trên con đường tu tập Bồ Tát đạo trước khi viên thành Phật quả, gồm từ Sơ địa lên đến Thập địa. Hai câu này dùng Tam hiền và Thập địa để chỉ chung tất cả các quả vị chứng đắc của người tu tập, nguyện cho tất cả cô hồn, nga quý cũng như hết thảy chúng sanh đều chứng thành Phật quả.

^{viii} Tam xưng: niệm câu này ba lần.

● 伏以文。

見聞如幻翳。
聞伏翳根除。

三畧茗空華。
塵消鏡圓淨。

伏以源真冲滅。性罪吻羅空。液苦贖淨。
海洪深。逐妄波而不息。由眾生
之業感。致長劫以流淪。受報地
。 飢踣跣賣。勛業感眾。箕托沛。遣沈淪劫
。 怒船落。地獄它受報。莖莠。餓鬼吏轉生

[21b] PHỤC DĨ VĂN

Kiến văn như huyễn ế;
Tam giới nhược không hoa.
Văn phục, ế căn trừ;
Trần tiêu, giác viên tịnh.¹

Phục dĩ:

Chân nguyên trạm tịch, mãi tội tính chi bản không;
khổ hải hồng thâm, trực vọng ba nhi bất tức. Do chúng
sinh chi nghiệp cảm; trí trường kiếp dĩ trầm luân. Thọ báo
địa ...

¹ Kiến văn: thấy và nghe; huyễn ế là mắt bị quáng, bị che; Tam giới tức Tam hữu, chỉ Ba cõi; không hoa: hoa đốm nhìn thấy khi bị quáng mắt, hoa mắt. Nghe bài phục dĩ xong, quáng mắt sẽ tiêu tan, hoa đốm sẽ mất, được thanh tịnh sáng suốt trọn vẹn. Tạm dịch là: “Thấy, nghe như quáng mắt; Ba cõi tựa hoa đèn. Nghe văn, trừ gốc quáng; hoa tan giác ngộ liền.”

[21b] Phục dĩ:

Nguồn chân trong vắt, tính tội vẫn là không;
Biển khổ rộng thâm, sóng quăng theo đuổi mãi.
Bởi nghiệp cảm chúng kia mang phải,
Khiến trầm luân kiếp nọ chịu dày.
Địa ngục đà thọ báo đắng cay;
Ngạ quỷ lại chuyển sinh ...

[22a] ... ngục chi trung, vĩnh la khổ sở; chuyển sinh nga quỷ chi nội, trường nhân cơ hư. Kỳ vô giải thoát chi kỳ, ninh hữu siêu thăng chi lộ? Phi tượng Như lai chi từ nguyện, hạt giải ác thú chi đảo huyền? Chú tụng chân thuyên, thí cam lộ chi pháp thực; đặng nhiên bảo cự, chúc minh giới chi u đồ. Phổ sử mê lưu; câu siêu Cực Lạc. Kim ...

[22a] ... đôi khát.

Đã chẳng có ngày giải thoát;
 Ất là không ngõ siêu thăng.
 Ví chẳng nhờ từ nguyện đức Kim thân;
 Dễ mở dạng đảo huyền dây ác thú?¹²¹
 Chân thuyên ấy niệm đôi câu chú,
 Thí ra trên tiệc cam lồ;
 Bảo cự kia thấp mãi ngọn đèn,
 Soi khắp trong đường minh giới.
 Nào những dòng mê cả thấy,
 Khiến đều về Cực Lạc phương Tây.
 Buổi đạo trường nay, khắp thỉnh vào diên thí thực;
 Dem công đức ấy, trở về trong núi Thiết Vi.¹²²
 Diện Nhiên ...

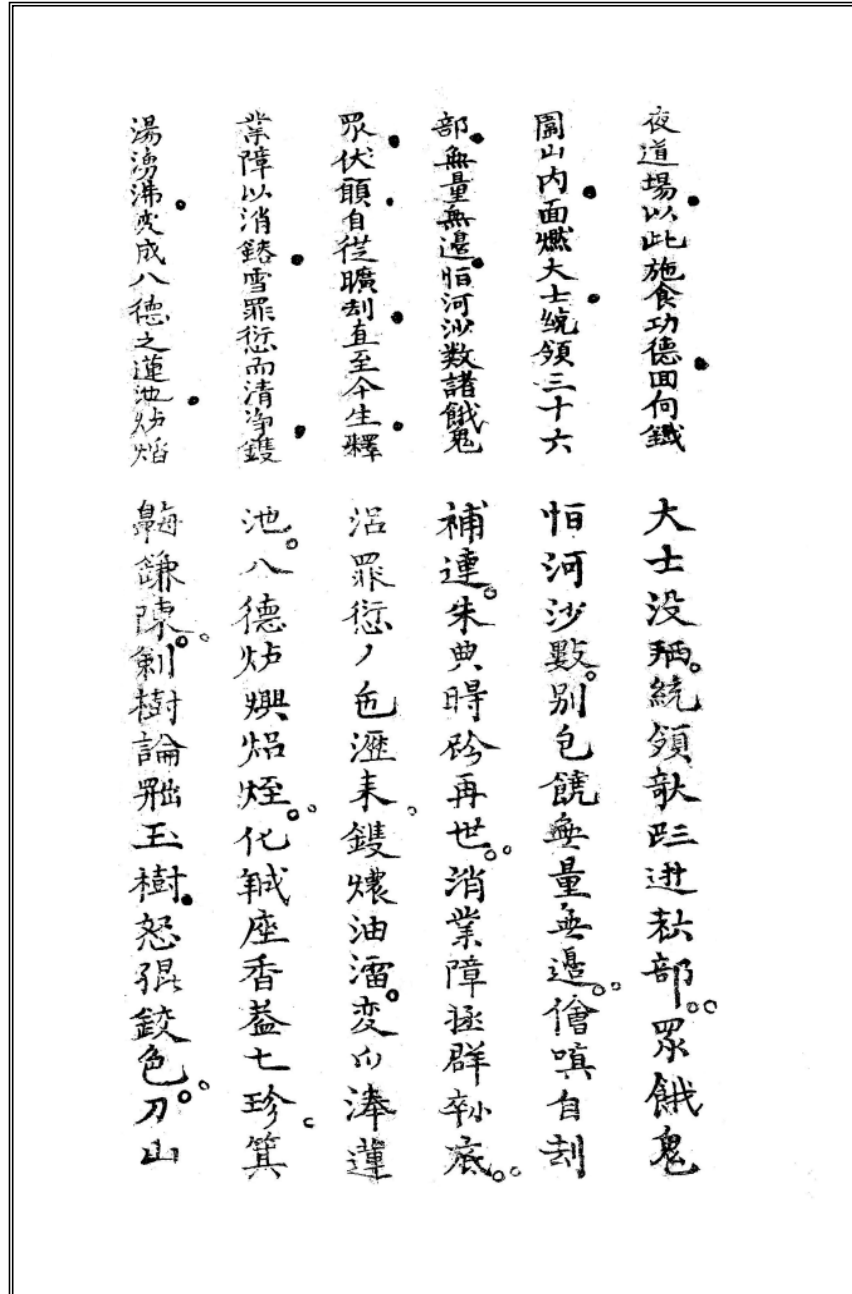
池食料

廿二

之幽途。普使迷流。俱理極樂。今	甘露之法食。燈燧宝炬。燭冥界	曷辭惡趣之倒懸。咒誦真詮。	有超昇之路。匪仗如來之慈願。	內長忍饒虛。既無解脫之期。寧	獄之中。永羅苦楚。轉生餓鬼之
包筵施食。耽功德意。阻術神為鐵圍。而燃	執汰。遣條衛盡樂方。西晒道場。碎泣請	塔沒。阮烟。燭泣。鍾塘冥界。帝仍余。洞迷	詮意念堆勾咒。施鞣蓮席甘露。宝炬箕	極茹。慈願德金身。駝閑節。倒懸。綾惡趣。真	耐渴。色極固。得解脫。恐羅空。閉超昇。亦

104

105



[22b] ... dạ đạo trường, dĩ thử thí thực công đức, hồi hướng Thiết vi sơn nội. Diện Nhiên đại sĩ, thống lãnh tam thập lục bộ, vô lượng biên, hằng¹ hà sa số chư ngã quỷ chúng.

Phục nguyện, tự từng khoáng kiếp trực chí kim sinh, thích nghiệp chướng dĩ tiêu dung; tuyệt tội khiên nhi thanh tịnh. Hoạch thang dũng phất, biến thành bát đức chi Liên trì, lô diễm ...

¹ Lưu ý những chữ hằng (恒) trong bản văn này đều viết thiếu một nét dưới, vì kiêng húy bà thái hậu Từ Dũ (tên Phạm Thị Hằng). Quy tắc này gọi là "kính khuyết nhất nét".

[22b] ... Đại sĩ một tay, thống lãnh cả ba mươi sáu bộ;

Chúng ngã quỷ hằng hà sa số, biết bao nhiêu vô lượng vô biên.

Cứ xin từ kiếp bỏ lên,¹²³

Cho đến ngày nay tái thế.

Tiêu nghiệp chướng chẳng còn chút để;

Rửa tội khiên phút đã sạch rồi.

Vạc nóng dầu sôi, biến làm vũng liên trì bát đức;¹²⁴

Lò hừng lửa cháy, hóa nên tòa hương cái thất trần.¹²⁵

Kìa mũi gương trần, kiếm thụ lộn ra ngọc thụ;¹²⁶

Nọ con dao sắc, đao sơn ...

施食科

廿三

交釋化作七珍之香蓋剎樹皆
 馬王樹刀山盡作室山徧界鐵
 床現菩提之法座滿釜銅汁化
 甘露之醞翻往昔債主以相逢
 俱蒙解脫積剎克家而共會各
 遂造造獄主與慈冥官持喜多
 迹吏寶山泣泥鋪質鐵床現法座菩提
 黜妬鴻註滄溟酒醞翻甘露色低
 返得債主賈矜貝妬歇隊歇悔佔剎克
 象明鑿窮饒崔問崔王施與慈獄主天
 傷惡持善冥官保護身父母多生今具
 古矜哀入聖超凡妾姻親累世歇未群

[23a] ... giao huy, hóa tác thất trân chi hương cái. Kiểm thụ giai vi ngọc thụ. Đao sơn tận tác bảo sơn. Biến giới Thiết sàng, hiện bồ-đề chi pháp tọa; mãn phủ đồng tráp, hóa cam lộ chi đề hồ. Vãng tích trái chủ dĩ tương phùng, câu môn giải thoát; tích kiếp oan gia nhi cộng hội, các toại tiêu dao. Ngục chủ hưng từ, minh quang trì thiện. Đa ...

[23a] ... đổi lại bảo sơn.¹²⁷
 Khắp nơi phô chật thiết sàng, hiện pháp tọa bồ-đề ra đó;
 Vài chỗ dựng đầy đồng tráp, rưới đề-hồ, cam lộ vào đây.¹²⁸
 Gặp người trái chủ bấy nay với đó, hết đòi hết hỏi;
 Chạm kiếp oan gia buổi trước, cùng nhau thôi vãn thôi vương.
 Dạ hương từ, ngục chủ yêu thương;
 Lòng trì thiện, minh quan¹²⁹ bảo hộ.
 Thân phụ mẫu đa sinh kim với cổ, nay thì nhập thánh siêu phàm;
 Nợ nhân thân lũy thế hết rồi còn, ...

國土他國土無量諸國土一切有情。	舍生捨迷途而登勝岸。普願此	燃河沙餓鬼。化熱惱而作清涼。類	想。定。修。羅。捨。盡。瞋。心。地。獄。息。瞿	此。歎。息。解。脫。天。上。五。衰。不。現。人。間。	生。父。母。從。茲。入。聖。趣。凡。累。世。姻。親。
吧各無量國土汰窮饒鐘証真常更願	塘最泣嗔歌有情沒餒國土尼國土怒	準炤燿穢舍生質匿迹類。違坡覓另泥	歇條苦惱。塊餓鬼遁閑耘道。興邊清塊	間四相圓之。修羅它補歌真癡地獄吏	扇也承恩解免。癸天上五衰極現。汚人

[23b] ... sinh phụ mẫu, tòng tư nhập thánh siêu phàm; lữ thể nhân thân, tự thử thừa ân giải thoát. Thiên thượng ngũ suy bất hiện; nhân gian tứ tướng giai không. Tu-la xả tận sân tâm; địa ngục tức chư khổ não. Hà sa nạ quỷ hóa nhiệt diệm nhi tác thanh lương; thập loại hàm sinh xả mê đồ nhi đăng giác ngộ.

Phổ nguyện thử quốc độ, tha quốc độ, vô lượng chư quốc độ, nhất thiết hữu tình ...

[23b] ... rày đã thừa ân giải miễn.¹³⁰

Cõi thiên thượng ngũ suy¹³¹ chẳng hiện;

Miền nhân gian tứ tướng¹³² có chi!

Tu-la¹³³ đã bỏ cả sân si,

Địa ngục lại hết điều khổ não.

Cõi nạ quỷ rộn ràng sáu đạo, hừng gió thanh khỏi chốn lửa nóng;

Giống hàm sinh¹³⁴ chặt ních mười loài, lên bờ giác lánh nơi đường tối.

Khấp xin cả hữu tình một nôi, quốc độ¹³⁵ này, quốc độ nọ và các vô lượng quốc độ, thả cùng nhau, chung chứng chân thường;

Lại nguyện ...

共誣真常。世界他世界。無量諸世。
 界。無量含識。皆成佛道。四恩總報。
 三有均養。法界眾生。同圓蘇智。
 諸佛正法。菩薩僧。直至菩提。我皈依。
 我以所修。諸善根。為利有情。願成佛。
 世出世間。隨願所成。

[24a] ... cộng chứng chân đế; thử thế giới, tha thế giới, vô lượng chư thế giới, vô tận hàm thức tề thành Phật đạo. Tứ ân tổng báo; tam hữu quan tư. Pháp giới chúng sinh đồng viên chủngⁱ trí.

Chư Phật, Chánh pháp, Bồ Tát Tăng
 Trực chí Bồ-đề, ngã quy y.
 Ngã dĩ sở tu chư thiện căn
 Vị lợi hữu tình, nguyện thành Phật.ⁱⁱ
 Thế, xuất thế gian,
 Tùy nguyện sở thành

ⁱ Những chữ chủng (種) trong bản văn này đều viết khác (thay đổi vị trí hai thành phần của chữ) đi vì kiêng húy vua Gia Long là Chủng.

ⁱⁱ Bài này không được diễn Nôm, tạm dịch là: "Từ nay cho đến khi đạt đạo Bồ-đề, [con nguyện] quy y chư Phật, Chánh pháp và [chư vị] Bồ Tát Tăng. Bao nhiêu căn lành con đã tu tập được, đều vì lợi lạc cho chúng sinh nên phát nguyện thành quả Phật."

[24a] ... cùng hàm thức mấy nòi, thế giới đó, thế giới đây và các vô lượng thế giới nào với đó đều nên Phật đạo.

Tứ sinh khắp báo;
 Tam hữu đều nhờ.

Người trong pháp giới bao giờ, ai ai cũng đồng viên chủng trí.¹³⁶

[Từ đây đến giữa trang 25a không có phần diễn Nôm, chỉ in toàn chữ Hán. Từ giữa trang 25a không còn chữ Hán, chỉ in bài Chúc tụng (Đưa tiễn) hoàn toàn bằng chữ Nôm.]

謹依瑜珈教。 建置般若法筵。
 普願諸有情。 皆共成佛道。
 次結圓滿奉送卮。 含百字咒。
 施食功德殊勝行。 無邊勝福皆回向。
 普願沈溺諸眾生。 速往無量光佛刹。
 十方三世一切佛。 文殊普賢觀自在。

[24b] Cẩn y Du-già giáo,
 Kiến trí khải pháp diên.
 Phổ nguyện chư hữu tình
 Giai cộng thành Phật đạo.ⁱ

Thứ kết Viên mãn phụng tống ấ, niệm Bách tự chú.ⁱⁱ

Thí thực công đức thù thắng hạnh,
 Vô biên thắng phước giai hồi hướng.
 Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sinh,
 Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Thập phương tam thế nhất thiết Phật,
 Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Tự Tại,

ⁱ Đoạn này không diễn Nôm, tạm dịch là: “Người xuất thế, kẻ thế gian, tùy theo ước nguyện đều thành tựu. Kính vâng theo lời dạy trong kinh điển, mở ra pháp đàn [thí thực] này. Nguyện cho hết thấy chúng sinh đều chứng quả thành Phật.”

ⁱⁱ Tạm dịch: “Sau đó bắt ấ Viên mãn kính tiễn [các cô hồn] và niệm chú Bách tự.”

諸尊菩薩摩訶薩。摩訶般若波羅密。
上來修設蒙山。甘露法食一筵功德圓滿。普霑沙界。
和南聖眾。祝送云。
席排供施放衝。更鶻吱吱。淡曉深深。
馨壇唵唵禪音。瓶花灑膝。鼎沈派香。
甘露漚泣進方。迦蓮扇色。閉塘迎謝。

[25a] Chư tôn Bồ Tát Ma-ha-tát.
Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật.ⁱ

Thượng lai tu thiết Mông sơn cam lộ pháp thực nhất
diên công đức viên mãn, phổ triêm sa giới.

Hòa nam thánh chúng.ⁱⁱ

ⁱ Đoạn này không diễn Nôm, tạm dịch là: “Công đức thí thực, hạnh cao quý; phước đức vô biên đều hướng về, cầu cho mọi chúng sinh bị đắm chìm [trong bể khổ], đều nhanh chóng được về cõi Phật Vô Lượng Quang (tức là Phật A-di-đà). [Kính lễ] tất cả chư Phật ba đời khắp mười phương; [các vị Bồ Tát] Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Tự Tại, cùng tất cả các vị Đại Bồ Tát. Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật!

ⁱⁱ Đoạn này cũng không diễn Nôm, tạm dịch là: “Trên đây, công đức thiết lập buổi pháp thực vì điều đã thành tựu trọn vẹn, thấm nhuần khắp thế giới. Chắp tay đánh lễ đại chúng.”

[25a] Chúc tụng vân:

Tiệc bày cũng đã vừa xong,
Canh gà vắng vắng, giọt rông thâm thâm.
Trước đàn ngót¹³⁷ giọng thiên âm,
Bình hoa lọt bóng, đỉnh trầm phai hương.
Cam lồ tưới khắp mười phương,
Ao sen rày đã mở đường sang chơi.

皇朝闡秋。

風流富貴楚條。

俗頭敬祝。

迎昂埃壽臺春。

醜魔洛弼。辨神逍遙。

龔丞祿浩渾又。

醜麟納躄。禁鴛印韻。

白扇家主平安。

福乘底吏。醜汚人間。

孤鬼嘖。孤鬼嘖。

捷又拜趾。踏瀉西天。

[25b] Cô hôn ơi, cô hôn ơi!

Mau mau nhẹ bước tách rời Tây thiên.

Từ rày gia chủ bình yên,

Phước thừa để lại trong miền nhân gian.

Tuổi trời, lộc nước chan chan,

Gót lân¹³⁸ nới dẫu, cầm loan¹³⁹ in vân.

Nghênh ngang cỡi thọ đài xuân,

Gót ma lạng bặt, châu thần tiêu diêu.

Phong lưu phú quý đủ điều,

Cúi đầu kính chúc hoàng triều muôn thu.

CHÚ GIẢI PHẦN DIỄN NÔM

- 1 Độn: gò, đồi nhỏ.
- 2 Đây là câu chú triệu thỉnh cô hồn (Triệu thỉnh chân ngôn).
- 3 Ác vàng, thổ bạc: dịch từ những chữ kim ô, ngọc thố, dùng chỉ mặt trời, mặt trăng, tượng trưng cho thời gian, ngày tháng.
- 4 Đứng ra là mùi hương, xưa hay dùng lẫn lộn giữa màu và mùi.
- 5 Phần viết bằng mực xanh là nguyên tác chữ Hán, phần viết bằng mực đen là phần diễn Nôm của dịch giả.
- 6 Day: trở lại.
- 7 Lời bí mật: tức mật chú, còn gọi chân ngôn, chân thuyên, tức thần chú. Theo Mật tông, chuyên niệm thần chú sẽ có uy lực siêu việt, lợi mình lợi người.
- 8 Dịch cụm từ Vô già cam lộ pháp thực, Phạm âm là Bát già vu sắc hội. Trai đàn thí thực lớn, thường được tổ chức 5 năm một lần không phân biệt giàu nghèo sang hèn, không bị hạn chế, cản trở, nên gọi là vô già. Mọi người đều được đối xử bình đẳng để nhận pháp thí, tài thí. Đại lễ này có ở Ấn Độ đã lâu đời, từ thời vua A Dục, truyền sang Trung Quốc, Việt Nam và Nhật Bản, thường do vua chúa tổ chức, vì phí tổn rất nhiều.
- 9 Tương truyền xưa vua Thục đế mất nước, chết hóa làm chim đỗ quyên (chim quốc), đêm đêm kêu rả rích, khóc than, luyến tiếc nước nhà.
- 10 Tiếp theo câu này, chủ nhân bản văn trước đây có viết thêm vào một câu chữ Hán, thay cho hai chữ “vân vân” trong phần Hán văn ở trên, có lẽ để khi tụng bản văn được dễ dàng hơn, vì dụng ý hai chữ “vân vân” trong phần Hán văn là để khỏi khắc in lặp lại câu này: “Duy nguyện thừa Tam bảo lực, tượng bí mật ngôn, thử nhật kim thời lai thọ vô già cam lộ pháp thực.”
- 11 Chỗ ngồi của tướng chỉ huy ngày xưa trải da báo, biểu lộ lòng dũng mãnh. Bây giờ là bộ chỉ huy quân sự.
- 12 Hãn mã: (hãn: mồ hôi) ngựa chiến chạy đổ mồ hôi, chỉ công trạng.
- 13 Khói lang: (lang: chó sói) dọc theo biên giới ngày xưa, người ta dựng các đài cao, trên dựng cỏ khô trộn với phân chó sói. Khi có giặc đến, đốt phân cho khói bốc thẳng lên. Nhờ thế, nơi khác mới biết mà đến chi viện.

- 14 Do chữ “phan long phụ phụng” hay “phan long phụ ký”, vin vào rồng phượng, biểu tượng của vua, sẽ được vinh hiển; cũng như dựa vào ngựa ký, sẽ được đi xa ngàn dặm. Ý nói các bầy tôi xưa giúp vua chúa, sẽ được lộc quyền to lớn.
- 15 Sau câu này thấy viết thêm câu chữ Hán để vị trai chủ lặp lại: “Duy nguyện thừa Tam bảo lực... .. cam lộ pháp thực.”
- 16 Các vua đời Tiền Hán, khi xây lăng thường dời dân đến lập một huyện để lo cung phụng cho lăng; 5 lăng các vua Cao tổ, Huệ đế, Cảnh đế, Vũ đế và Chiêu đế đều ở phía bắc kinh đô Trường An, di dân phần đông giàu có, sinh hoạt xa xỉ. Vì thế có từ ngữ lăng tài tử, ám chỉ bọn con cháu các nhà giàu có.
- 17 Biển hoạn: chỉ quan trường, chính trường.
- 18 Trang Tử nằm mơ hóa thành bướm. Tỉnh ra, không biết mình là bướm hay bướm là mình. Hồn bướm chỉ cuộc đời như giấc mơ ngắn ngủi.
- 19 Dương quan: quan là cửa, dương quan là cửa về dương gian, cõi trần.
- 20 Tao ông mặc khách: chữ “tao” chỉ văn chương, chữ “mặc” chỉ sách vở; 4 chữ này chỉ giới văn nhân, nghệ sĩ.
- 21 Cửa huỳnh (huỳnh môn), chỉ trường học.
- 22 Trường thi xưa chung quanh trồng gai để khó xâm nhập. Câu này nói cảnh sĩ tử thi tài ở đó.
- 23 Lửa dóm, tức đèn đom đóm (huỳnh đăng). Huỳnh là con đom đóm. Xưa, Xa Dận nghèo, bắt đom đóm cho vào túi làm đèn để học, gọi là huỳnh song, học bên song cửa bằng đèn đom đóm.
- 24 Chỉ sự chết, vì khi ấy tên tuổi được viết trên mảnh lụa hồng, gọi là minh tinh, ta hay nói là triệu.
- 25 Phi tích: cũng như tích tượng, cây gậy của tăng sĩ, dùng chỉ giới tu hành thoát tục.
- 26 Hoàng hoa thúy trúc: chỉ Phật pháp, nhất là Thiền tông. Do câu “Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh” để chỉ tất cả các pháp đều là Phật pháp.
- 27 Cổ nô: là loài trâu bạc và chồn cáo, chỉ chung súc vật hạ đẳng, chỉ những người căn cơ thấp kém, khó giác ngộ. Chữ dùng lấy ở Cảnh Đức truyền đăng lục, lời của ngài Nam Tuyên nói với hành giả Cam Chí. Hai câu nguyên văn ý nói các nam nữ tu sĩ căn cơ thấp kém, dù đàm luận Phật pháp, đọc tụng thần chú cũng không ngộ đạo.
- 28 Hai câu này dùng các từ hoàng quan, vũ phục để chỉ mũ của ẩn sĩ và áo của đạo sĩ.
- 29 Cũng như động Đào Nguyên, chỉ nơi thần tiên ở.
- 30 Tam hoa: lấy từ chữ tam hoa tụ đỉnh. Đạo giáo tu luyện chân khí đến mức thành tựu, tinh hoa dồn về nơi cao nhất.

- 31 Quan niệm ngày xưa cho rằng thân người gồm 4 yếu tố hợp lại: đất, nước, lửa và gió, gọi chung là tứ đại.
- 32 Chỉ nơi tu luyện của đạo sĩ và lò luyện thuốc tiên.
- 33 Chỉ đàn cúng tế.
- 34 Người ở trọ.
- 35 Những người làm nghề buôn bán ngược xuôi.
- 36 Đường dê, hay đường ruột dê, chỉ đường quanh co khúc khuỷu.
- 37 Sức lực đang mạnh mẽ; sung sức.
- 38 Giữa rừng gươm đao, chỉ nơi chiến trường đầy hiểm nguy chết chóc.
- 39 Liều mình, đem tính mạng ra so tài cho đến chết.
- 40 Tốt đồ: binh sĩ, lính trơn.
- 41 Người sản phụ ngày xưa phải lót chiếu rơm nằm, ngồi chờ sinh con rất tội nghiệp.
- 42 Chỉ niềm vui, hạnh phúc vợ chồng sum họp.
- 43 Chữ dùng theo Kinh Thi, nói điềm sinh con trai.
- 44 Chữ dùng theo Kinh Thi, sinh con trai cho chơi ngọc chương, sinh con gái cho chơi đồ kéo sợi bằng đất nung. Ý nói việc sinh con trai hay gái chưa thể biết.
- 45 Ý nói đã chết. Nguyên tác dùng “quy trường dạ”, chỉ về cảnh âm phủ, quanh năm không thấy mặt trời.
- 46 Chỉ những trường hợp chết khi sinh nở do bị băng huyết không cầm được.
- 47 Đây nói về hình thức nô lệ thời xưa, con cái nhà nghèo bị bán làm tôi tớ, phải làm lụng cực nhọc đến chết; hoặc bị bán làm nàng hầu, ganh tị nhau đến mất mạng.
- 48 Cửa mù (u quan): chỉ âm phủ, đối lại với dương quan chỉ dương trần.
- 49 Lấy phấn son vẽ mặt, lấy xạ hương ướp xông áo quần. Toàn câu nghĩa là các cung phi, giai nhân vẽ mặt bằng son phấn, xông ướp xạ hương vào áo quần, cốt tranh đua đẹp hơn nhau để được nhà vua sủng ái, được chồng yêu vì.
- 50 Chỉ thú vui ân ái.
- 51 Thạch Sùng đời Tấn giàu nổi tiếng, lập trang trại ở khe Kim Cốc tại huyện Hà Nam. Sùng có con hát Lục Châu đẹp, thổi sáo hay. Gian thần Tôn Tú muốn chiếm đoạt, Sùng không chịu. Tú làm chiếu giả, sai vệ sĩ đem đến bắt Sùng. Sùng cho Lục Châu biết rõ. Lục Châu nhảy lầu tự tử để đáp tạ Sùng. Thơ ca đời sau hay nhắc đến chuyện này.
- 52 Héo rộc: rất héo, héo queo.

- 53 Địa danh nay thuộc huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây (Trung quốc), nơi Dương Quý Phi bị thất cổ chết.
- 54 Xương khô: dịch thoát ý chữ “khô lâu”, đúng ra là cái sọ người.
- 55 Bĩ bàng: sẵn sàng, tươm tất.
- 56 Chỉ những người ăn mày nghèo đói.
- 57 Tù nhân bị thi hành án tử hình; tử tội.
- 58 Xuyên: vào, gặp phải.
- 59 Những oan hồn chết vì treo cổ, uống thuốc độc còn vương vấn, lưu luyến, không được giải thoát.
- 60 Những oan hồn chết vì sét đánh, bờ đất lở vùi lấp.
- 61 Thuốc reo: loài chim khách, kêu báo tin.
- 62 Nha bay: loài quạ bay tứ tung.
- 63 Sáu đường (lục đạo, cũng gọi là lục thú): chỉ 6 cõi mà chúng sinh tùy theo nghiệp phải chịu đầu thai vào: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh là ba đường ác; trời, người và a-tu-la là ba đường lành.
- 64 Diện Nhiên, hay Diệm Khẩu, tên ngạ quỷ ghi trong kinh điển.
- 65 Ngạ quỷ.
- 66 Li, mị, võng, lượng: 4 loài yêu quái ở gỗ, đá sinh ra, hay phá phách người. Có nơi nói là thần đầm ao, thần núi. Đây dùng với ý chỉ chung tất cả các loài yêu ma quỷ thần...
- 67 Nghĩa câu này nói kể luôn tổ tiên, thân thích của các oan hồn và các chúng sinh khác bị chết, dày dọa trong cảnh khổ.
- 68 Câu này nói tóm lại, lược dịch cả 4 câu trong bản chữ Hán.
- 69 Diễn âm, tức diễn Nôm bài Bạch.
- 70 Nói chung tất cả các cô hồn đi trên không, trên bộ và dưới nước.
- 71 Linh ngữ: nhà tù kín.
- 72 Chỉ các bệnh đậu mùa, dịch tả.
- 73 Bị sét đánh.
- 74 Bị bùa chú thư phù.
- 75 Quỷ sứ.
- 76 Oan gia nghiệp báo tích lũy từ nhiều đời.
- 77 Bày ra tỏ tường, rõ ràng trước mặt.
- 78 Người chứng quả A-la-hán không còn rơi vào luân hồi sinh tử nữa, gọi là vô sinh.

- 79 Chữ triều (朝), không thể phiên âm là diu; đọc là chiều không thông dụng bằng đọc là chiu. Phương âm miền Trung vẫn nói “chiu hiu” nên có lẽ dịch giả dùng với ý này.
- 80 Sợ người luôn mất mắt, nhìn vào sâu hoắm.
- 81 Hội minh dương: trai đàn thí thực. Minh chỉ âm giới, các naga quỷ; dương chỉ dương gian, các tiên nhân. Pháp hội thí thực cho chúng sinh cả 2 cõi. Còn gọi là thủy lục hội, My sơn thủy lục.
- 82 Phần còn lại của trang này gồm một câu chân ngôn và bài triệu thỉnh, để nguyên văn chữ Hán không diễn Nôm.
- 83 Đã nói ở phần đầu về duyên khởi kinh Cứu bạt Diệm Khẩu, do ngài A-nan gặp việc và thưa thỉnh.
- 84 Tiêu diện quỷ: nghĩa đen là quỷ bị cháy xém mặt, đồng nghĩa với “diện nhiên (mặt cháy)”. Tương truyền Bồ Tát Quán Âm thị hiện hình tướng quỷ này để cứu độ các chúng sinh đang chịu khổ nơi âm cảnh, nên còn tôn xưng là Tiêu Diện Đại sĩ, cũng tức là Diện Nhiên Vương Bồ Tát. Dân gian thường gọi là ông Tiêu, được thờ ở các chùa với hình tướng vô cùng dữ tợn, lưỡi thè ra rất dài.
- 85 Chỉ hoàng gia.
- 86 Chức tể tướng, nắm quyền điều hành các quan khác, tương đương với thủ tướng ngày nay.
- 87 Dềm: đẹp đẽ, dịu dàng. Câu này nói các cung phi mỹ nữ nhan sắc đẹp tươi như hoa.
- 88 Chăm lo kinh tế, tổ chức giáo dục cho nhân dân.
- 89 Trú mển, lưu luyến.
- 90 Băn xãng: xông xáo.
- 91 Chữ 吮 gồm chữ trảm (沈) và bộ khẩu (口), có nhiều cách đọc khác như “thòm, thùm”... nhưng theo ngữ cảnh này thì đọc là “rầm” thích hợp hơn. Hơn nữa, ngay sau nó là chữ “rộ” (囉) hợp thành cụm từ mô tả âm thanh: rầm rộ.
- 92 Lấy từ thành ngữ “hạo thủ cùng kinh” (皓首窮經), nghĩa là “bạc đầu với sách vở để nghiên ngẫm nghĩa lý, văn chương”.
- 93 Xưa, Tôn Khang nghèo quá, không có đèn, đêm nương theo ánh tuyết lấp lánh bên cửa sổ để đọc sách.
- 94 Lỡ thời, bỏ lỡ cơ hội tốt đẹp trôi qua.
- 95 Cát ái từ thân: dứt bỏ hết mọi sự luyến ái, mọi người thân thích... Chỉ những người xuất gia theo con đường tu tập, xuất thế.
- 96 Tự soi chiếu lại nội tâm của mình để nhận ra chân lý, bản chất của thực tại.
- 97 Xem nặng nghĩa khí, hy sinh tính mạng vì việc nghĩa.

- 98 Nữ tu sĩ của Đạo giáo và Phật giáo.
- 99 Các đạo quán, thiền viện, tu viện...
- 100 Phượng loan: chỉ duyên nợ vợ chồng.
- 101 Thấu hiểu pháp vô vi, tức là chứng đắc thánh quả, thành đạo.
- 102 Thầy bói ngày xưa dùng mu rùa để đoán việc.
- 103 Chỉ chung các nghề phong thủy, chiêm tinh.
- 104 Hung cát: những điều lành dữ, tốt xấu.
- 105 Bão mãn: no nê, ăn uống đầy đủ, thỏa mãn.
- 106 Những người làm nghề buôn bán, thương mại.
- 107 Hương tĩn: làng xóm, tỉnh... đây chỉ chung nơi quê hương mà người ta sinh ra và lớn lên.
- 108 Đời người ngắn ngủi, thoáng qua như giấc mộng vinh hoa phú quý của Lô sinh trong quán trọ ở truyện Hoàng lương mộng. Chữ diêm thường phiên niêm, dêm như nổi niêm, êm dêm. Đây phiên diêm có lẽ thông hơn.
- 109 Chị những người mắc bệnh ác hại như cùi, điên... hoặc gặp phải tai ương bão lụt v.v...
- 110 Xuông: gặp phải, vấp phải.
- 111 Nạn nhân bị chết cháy, chết chìm.
- 112 Cửu hoạnh: nói đủ là cửu hoạnh tử, là 9 trường hợp chết bất đắc kỳ tử, chết do những nguyên nhân tác động từ bên ngoài chứ không do già yếu, hết tuổi thọ; do đó gọi là 9 cách chết oan uổng. Nội dung này xuất phát từ kinh Dược Sư, khi Bồ Tát Cứu Thoát dẫn lời đức Phật để trả lời ngài A-nan về 9 cách chết oan uổng.
- 113 ẨM huyết nhự mao (飲血茹毛): nghĩa đen là “uống máu, ăn lông”, nghĩa là ăn uống theo lối man khai, lạc hậu, dùng để chỉ những nơi còn chậm tiến, man khai, thiếu văn minh.
- 114 Nghĩa là than oán, trách móc trời đất bất công với mình.
- 115 Người thập ác: những người phạm vào 10 điều ác (bất thiện) là: giết hại, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói thêu dệt, chửi rủa ác độc, nói hai lưỡi, tham lam, nóng giận, si mê.
- 116 Tức là cúng thí thực.
- 117 Oan gia nghiệp báo tích lũy trong nhiều kiếp với nhau.
- 118 Đường ba, nạn tám: dịch từ các thuật ngữ tam đồ, bát nạn. Tam đồ là ba đường ác, hay ba cảnh giới xấu mà người tạo nghiệp ác phải堕 vào, gồm có: địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Bát nạn là tám điều kiện bất lợi, ngăn trở chúng

sanh không thể tu tập đạo giải thoát, trong đó cũng bao gồm cả tam đồ: 1. Địa ngục; 2. Súc sinh; 3. Nga quỷ; (Chúng sanh trong tam đồ vì quá khổ sở và không đủ trí tuệ nên rất khó nghĩ đến việc tu tập.) 4. Cõi trời Trường thọ (Chư thiên ở đây sống lâu và hưởng sự sung sướng khoái lạc nên không thấy được sự khổ trong đời sống, do đó không nghĩ đến việc tu tập.); 5. Biên địa, là những vùng không nằm nơi trung tâm, không thuận tiện cho việc tu học Chánh pháp; 6. Căn khuyết, không có đủ giác quan hoặc các giác quan bị tật nguyền như mù, điếc...; 7. Tà kiến, những kiến giải, nhận thức sai lệch, bất thiện; 8. Không gặp Phật ra đời, cũng không gặp được giáo pháp của Phật.

- 119** Đức Phật A-di-đà từ khi còn là Bồ Tát đã phát 48 lời đại nguyện cứu độ chúng sanh, trong đó có nguyện rằng tất cả những chúng sinh nào niệm danh hiệu ngài đều sẽ được sinh về cõi Phật của ngài, thoát khỏi mọi khổ não.
- 120** Liên trì: hồ sen. Nơi cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà có hồ sen báu; mỗi chúng sinh tùy theo công phu tu tập khi sinh về đó đều được hóa sinh từ hoa sen, chia làm 9 phẩm khác nhau.
- 121** Đảo huyền: treo ngược. Trong địa ngục có những chúng sinh bị treo ngược để chịu tội, rất đau đớn khổ sở.
- 122** Núi Thiết Vi, hay Thiết Luân Vi, dịch từ tiếng Phạn là **Cakravāḍaparvata**, có nghĩa là tường vây quanh bằng sắt. Núi Thiết Vi được đề cập đến trong nhiều kinh điển, là dãy núi bao quanh của mỗi một Tiểu thế giới. Như vậy, câu này có ý nói đem công đức lập đàn thí thực hồi hướng về cho mọi chúng sanh trong thế giới.
- 123** Trở lên, tức là từ kiếp xa xưa.
- 124** Liên trì bát đức: nước trong ao sen ở cõi Phật có 8 công đức. Theo ngài Huyền Trang thì người uống nước ấy được 8 công đức ấy là: 1. Trùng tịnh: lãng gạn trong sạch; 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh; 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt; 4. Khinh nhuyển: nhẹ nhàng mềm mại; 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát; 6. An hòa: yên ổn hòa nhã; 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não; 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.
- 125** Cái tán che, lọng che, làm bằng 7 loại châu báu quý.
- 126** Kiếm thụ: rừng kiếm; ngọc thụ: rừng ngọc.
- 127** Dao sơn: núi dao; bảo sơn: núi báu.
- 128** Đề-hồ, món ăn được xem là ngon nhất, tinh túy nhất chế biến từ sữa tươi. Cam lộ và đề-hồ là những thứ nước ngon ngọt, ai ai cũng ưa thích. Câu này nói nhờ nguyện lực từ bi mà nước đồng lỏng cũng hóa ra cam lộ, đề-hồ. Cả đoạn trên mô tả tất cả những cảnh hiểm nguy, đau đớn mà chúng sanh đang chịu khổ não (do nghiệp lực) đều hóa thành những nơi an ổn tốt lành (nhờ nguyện lực).
- 129** Các quan xử án ở âm phủ.

- 130** Ý nói hết thầy người thân trong nhiều đời trước đến nay đều được nhờ ơn giải thoát.
- 131** Ngũ suy: năm tướng suy. Chư thiên cõi trời khi hết phước báo, sắp mệnh chung thì hiện ra 5 tướng suy: hoa trên đầu, trên mũ héo; đổ mồ hôi nách; y phục hóa dơ dáy; hào quang trên mình tắt và không thích ngồi yên trên bảo tòa.
- 132** Bốn tướng khổ của loài người là sinh, lão, bệnh, tử.
- 133** Tu-la, hay a-tu-la, một trong sáu đường chúng sanh, có thần lực như chư thiên cõi trời nhưng không có các tướng tốt. Loài này có tâm sân hận mạnh mẽ nhất trong các loài, thường gây sự đánh nhau với chư thiên các cõi trời.
- 134** Hàm sinh: có sự sống, đồng nghĩa như hữu tình, chúng sanh, hàm linh, hàm thức...
- 135** Quốc độ: cõi nước, chỉ tượng trưng một vùng lãnh thổ.
- 136** Cùng trọn thành Phật đạo, chứng quả Phật.
- 137** Ngột: dứt, hết.
- 138** Chử dùng lấy từ Kinh Thi, chỉ việc con cháu kế nghiệp cha mẹ.
- 139** Vợ chồng hòa hợp với nhau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Những tài liệu liên quan trực tiếp đến chữ và nghĩa Hán Nôm:

1. Mông sơn thí thực khoa nghi: bản in của chùa Vĩnh Khánh, Bình Định, 1918.
2. Cảnh Đức Truyền Đăng lục (景德傳燈錄), quyển 10: bản xưa, không ghi nơi và năm in.
3. Phật Quang Đại từ điển, 8 quyển: Phật Quang Xuất bản xã, Đà Bắc, 1995.
4. Từ Nguyên: Thương vụ ấn thư quán, Hương Cảng, 1973.
5. Từ hải 3 quyển: Thượng hải Từ Thư Xuất bản xã, Thượng Hải, 1989.
6. Tân tu Khang Hy tự điển, 2 quyển: Lăng Thiệu Văn, Cao Thụ Phiên, Khải Nghiệp thư cuộc ấn hành, Đà Bắc, 1998.
7. Hán Việt Tự Điển: Thiều Chửu, bản in lần thứ 2, Hưng Long xuất bản, Sài Gòn, 1966.
8. Việt Hán từ điển tối tân: Chin Hoa, xuất bản, Sài Gòn, 1962.
9. Đại Tự điển chữ Nôm: Vũ Văn Kính, NXB Văn Nghệ, TP.HCM, 2002.
10. Đại Nam Quốc âm tự vị, 2 quyển: Huỳnh Tịnh Của, Công ty phát hành sách TP.HCM in lại 1982.

11. Dictionnaire Annamite Francais: Genibrel, Imprimerie de la Mission à Tân Định, Sài Gòn, 1898.
12. Dictionarium Ananitico Latinum: Taberd, NXB Văn Học, Hà Nội, 2004.

II. Những tài liệu tham khảo để viết Chương I:

1. Việt Nam Phật giáo sử lược: Mật Thể, Minh Đức xuất bản, Đà Nẵng, không ghi năm in.
2. 50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam, tập 1, Thích Thiện Hoa, Viện Hóa Đạo xuất bản, Sài Gòn, 1970.
3. Việt Nam Phật giáo sử luận I-II-III: Nguyễn Lang, NXB Văn Học, Hà Nội, 2000.
4. Thiên môn nhật tụng: bản của Cẩm hoa trai, đại sư Hoàn Hải chùa Đông Nhai Thiên Tự ở Cửu Hoa sơn in năm 1903.
5. Phật thuyết Cửu Bạt Diệm Khẩu Đà-la-ni kinh, Đại tạng kinh Hán ngữ, bản Đại Chánh tân tu, quyển 21, kinh số 1313, bắt đầu từ trang 464b.
6. Tiêu thích kim cương khoa nghi hội yếu chú giải, Đại tạng kinh Hán ngữ, bản Càn Long, quyển 24, kinh số 467, bắt đầu từ trang 650a.
7. Kim Quang Minh sám pháp bổ trợ nghi, Đại tạng kinh Hán ngữ, bản Đại Chánh tân tu, quyển 46, kinh số 1945, bắt đầu từ trang 957b.
8. Du-già tập yếu Diệm Khẩu thí thực nghi, Đại tạng kinh Hán ngữ, bản Đại Chánh tân tu, quyển 21, kinh số 1320, bắt đầu từ trang 473c.

PHỤ LỤC I: VĂN TẾ CÔ HỒNⁱ

Nguyễn Du

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi mây lạnh lẽo xương khô.
Nào người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng!

Đường bạch dươngⁱⁱ bóng chiều man mác,
Dịp đường lêⁱⁱⁱ lác đác sương sa.
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn có, nữa là cõi âm.

Trong trường dạ^{iv} tối tăm trời đất,
Có khôn thiêng phảng phất u minh.^v
Thương thay, thập loại chúng sanh,^{vi}
Hồn đơn, phách chiếc lênh đênh quê người.

ⁱ Bài này được trích theo sách Tam bảo văn chương do Cố học giả Đoàn Trung Còn biên soạn, xuất bản năm 1946 tại Sài Gòn. Năm 2004 được NXB Tôn giáo tái bản với sự khảo đính và nhuận sắc của ông Nguyễn Minh Tiến.

ⁱⁱ Bạch dương: tên một giống cây người thường trồng tại nơi mồ mả, lá tròn và lớn, bề mặt xanh, bề lưng trắng, cọng lá dài, hơi có gió thì liền lay động thành tiếng đìu hiu rầu rĩ.

ⁱⁱⁱ Đường lê một giống cây thường trồng tại lễ đường lấy bóng mát, tới mùa thu thì lá già, bị sương thì rụng, tức là cây cam đường, vì nhánh cội cao dài như cây lê, cho nên có tên riêng là đường lê.

^{iv} Trường dạ: đêm dài.

^v U minh: mù tối, cõi u u minh minh.

^{vi} Chúng sanh: mọi sanh linh trên thế giới, phàm có sanh mạng đều là chúng sanh. Theo Phật thuyết thì chúng sanh gồm cả thượng lưu, trung lưu và hạ lưu, cả người và vật, cả sống và chết, hết thấy có mười loại. Nhưng bài này gọi là Thập loại chúng sanh đối với Phật thuyết thì sai nghĩa, vì đây là bài văn cúng cô hồn thì chỉ là một loại ngựa quỷ (cô hồn) mà thôi.

Hương lửa đã không nơi nương tựa,
Hồn mồ côi lần lữa mấy niên.
Còn chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói kẻ hiền, người ngu!

Tiết đầu thu lập đàn giải thoát,
Nước tịnh bình vẩy hạt dương chi.ⁱ
Muôn nhờ đức Phật từ bi,
Giải oan, cứu khổ, cùng về Tây phương.

Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,ⁱⁱ
Chí những lăm cất gánh non sông;
Nói chi đương buổi tranh hùng,
Tưởng khi thất thế vận cùng mà đau!

Bỗng phút đâu mưa sa ngôi lở,
Khôn đem mình làm đũa thất phu.ⁱⁱⁱ
Giàu sang càng nặng oán thù,
Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời!

Đoàn vô tự^{iv} lạc loài nheo nhóc,
Quỷ không đầu đón khóc đêm mưa.

ⁱ Tịnh bình: bình nước trong sạch, do Tịnh thủy châu là thứ ngọc đã lược đi (luận Trí Độ); dương chi: hành dương liễu. Pháp Uyển Hân Lâm Phật Đồ Trưng là một tăng sĩ pháp thuật cao siêu ở Ấn Độ. Bạch Lạc nghe danh, mời sang Trung quốc. Con trai của Lạc mắc bệnh nặng, Phật Đồ Trưng lấy hành dương liễu nhúng vào bình nước mà vẩy cho, liền tỉnh lại.

ⁱⁱ Kiêu hãnh: Cầu may, hy vọng những chuyện phi phận.

ⁱⁱⁱ Thất phu: người dân tầm thường, hèn kém. Hán thư: “Cần vi thất phu bất đắc” (Ông vua lúc sa cơ mất nước thì cần làm kẻ dân hèn cho yên thân cũng chẳng được.)

^{iv} Vô tự: không có con nối dõi.

Cho hay thành, bạiⁱ là cơ.
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan!

Cũng có kẻ màn lan, trướng huệ,
Những cây mình cung quế, phòng hoa.
Một phen thay đổi san hà,ⁱⁱ
Mảnh thân chiếc lá, biết là về đâu?

Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,
Phận đã đành trâm gãy, bình rơi.
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương?

Đau đớn nhẽ không hương, không khói,
Luống ngẩn ngơ trong cõi rừng sim.
Thương thay tay yếu chân mềm,
Càng năm càng héo, một đêm một dài!

Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,
Ngọn bút son, sống, thác ở tay.
Kinh luân gom một túi đầy,
Đã đem Quán, Nhạc,ⁱⁱⁱ lại ngày Y, Chu,^{iv}

Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma, mồ nắm chung quanh.
Ngàn vàng khôn đổi được mình,
Lầu cao viện hát tan thành còn đâu!

ⁱ Thành: nên, bại: thua.

ⁱⁱ San hà, hay sơn hà: núi sông, ý nói các triều đại thay đổi.

ⁱⁱⁱ Quán Trọng nước Tề, Nhạc Nghị nước Yên đều là những quan tướng quốc có danh đời Đông Chu.

^{iv} Y Doãn nhà Thương, Chu Công nhà Chu đều được tôn xưng là bậc thánh.

Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,
Biết lấy ai bát nước chén nhang!
Cô hồn thất thiếu dọc ngang,
Nặng oan khôn lẽ tìm đàng hóa sanh!

Kìa những kẻ bày binh, bố trận,
Đổi mình vào lấy ấn nguyên hung.
Gió mưa sấm sét ùng ùng,
Dãi thây trăm họ làm công một người.

Khi thất thế, tên rơi đạn lạc,
Bãi trường sa^v thịt nát máu trôi.
Mệnh mông góc bể, bên trời,
Nắm xương vô chủ^{vi} biết nơi chốn nào!
Trời xâm xẩm mưa gào, gió thét,

Khí âm huyền mờ mịt trước sau.
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu điệu, tế,^{vii} nào đâu chưng, thường?^{viii}

Cũng có kẻ tính đường trí phú,^{ix}
Mình làm, mình nhịn ngủ, kém ăn.
Ruột rà không kẻ chí thân,^x
Dẫu làm nên để dành phần cho ai?

^v Trường sa: bãi cát dài.

^{vi} Vô chủ: không có người làm chủ. Ý nói không người thân thích, không biết của ai.

^{vii} Điếu: viếng thăm, tế: cúng tế.

^{viii} Lễ tế về mùa đông gọi là chưng, lễ tế về mùa thu gọi là thường.

^{ix} Trí phú: làm nên giàu có.

^x Chí thân: rất thân.

Khi nằm xuống không ai nhấn nhủ,
Của phù vânⁱ có cũng như không!
Sống thời tiền chảy bạc dòng,
Thác không đem được một đồng nào đi.

Khóc ma mượn thương gì hàng xóm?
Hòm gỗ da bó đóm đưa đêm!
Ngẩn ngơ trong quăng đồng chiêm.
Tàn hương, giọt nước biết tìm vào đâu.

Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý,
Dấn mình vào thành thị lân la.
Mấy thu lia cửa, lia nhà,
Văn chương đã chắc đâu mà trí thân.ⁱⁱ
Đọc hàng quán phải tuôn mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nắng kiêng khem.
Vội vàng liệm sấp, chôn nghiêng,
Anh em: thiên hạ; láng giềng: người đứng.

Bóng phần tửⁱⁱⁱ xa chùng hương khúc,^{iv}
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang.
Cô hồn nhờ gởi tha hương,^v
Gió trắng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng!

ⁱ Phù vân: đám mây nổi, tỷ với sự sang giàu bất nghĩa, như đám mây nổi, tụ rồi sẽ tan. (Luận ngữ)

ⁱⁱ Cổ thi: Văn chương khả trí thân. (Văn chương có thể giúp nên người.)

ⁱⁱⁱ Phần: cây phần, tử: cây tử, chỉ là làng nhà quê, vì chánh khu vực đời xưa về các làng thường trồng hai thứ cây ấy làm cõi.

^{iv} Hương khúc: làng khác.

^v Tha hương: làng khác, ý nói đi phương khác không còn được ở nơi quê quán.

Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm mây chạy xế gió đông.
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Dem thân chôn rắp vào lòng kinh, nghề.ⁱ

Cũng có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh tre chín rạn hai vai.
Gặp cơn mưa nắng khí trời,
Hồn đường, phách xá lạc loài nơi nao?

Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,
Bỏ cửa nhà, gồng gánh việc quan.
Nước khe, cơm vắt gian nan,
Dãi dầu ngàn dặm, lấm than một đời!

Buổi chiến trận mạng người như rác,ⁱⁱ
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
Lập lòe ngọn lửa ma trời,
Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.

Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Ai chồng con tá, biết là cậy ai?

Sống đã chịu một đời phiên nảo,
Thác lại nhờ hớp cháo lá đa.ⁱⁱⁱ

ⁱ Kinh, nghề: hai giống cá lớn hung dữ ở biển, hay làm chìm thuyền bè để ăn thịt người.

ⁱⁱ Thơ Chinh phụ: Cổ lai chinh chiến nhân, tánh mạng khinh như thảo. (Người trong trường chiến thuở nay, tánh mạng nhẹ như cỏ rác).

ⁱⁱⁱ Người miền Bắc cúng cô hồn thường chấp những lá đa làm cái đài, múc cháo vào đó mà cắm tại các lề đường, có ý bố thí cho những hồn con nít và những hồn tàn tật.

Đau đớn thay phận đàn bà,
 Kiếp sanh ra thế biết là tại đâu!
 Cũng có kẻ nằm cầu, gối đất,
 Dõi tháng ngày hành khátⁱ ngược xuôi.
 Thương thay cũng một kiếp người,
 Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan!
 Cũng có kẻ mắc đoàn tù giặc,
 Gởi mình vào chiếu rách một manh.
 Nắm xương chôn rắp góc thành,
 Kiếp nào cõi được oan tình ấy đi?
 Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,
 Lỗi giờ sanh, lìa mẹ, lìa cha.
 Lấy ai bông bế xót xa,
 U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng.
 Cũng có kẻ chìm sông, lạc suối;
 Cũng có người sẩy cội, sa cây;
 Có người leo giếng đứt dây,
 Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.
 Người thì mắc sơn tinh, quỷ quái,
 Người thì xông nanh hổ, ngà voi.
 Có người hay đẻ không nuôi,
 Có người sa sẩy, có người khốn thương.
 Gặp phải lúc đi đường lỡ bước,
 Cầu Nại Hàⁱⁱ kẻ trước người sau.

ⁱ Hành khát: đi ăn xin.

ⁱⁱ Nại hà: Theo Tuyên thất chí, Đổng Quán chết, hồn đi đến một dòng nước bề rộng chỉ lối vài thước, nguồn tự địa phủ lại, chảy qua phía tây nam, nước đều là máu và hôi tanh không chịu nổi, tục gọi tên là Nại hà (Sông Nại). Lại sách Cô Lục chép: Sông Nại ở phía tả núi Cao Lý, trên có nhịp cầu, đời truyền rằng:

Mỗi người một nghiệp khác nhau,
 Hồn xiêu, phách lạc biết đâu bây giờ!
 Hoặc là ẩn ngang bờ, dọc bụi,
 Hoặc là nương ngọn suối, chân mây.
 Hoặc là điểm cỏ, bóng cây,
 Hoặc là quán nọ, cầu này bơ vơ.
 Hoặc là nương thần từⁱ Phật tự,ⁱⁱ
 Hoặc là nhờ đầu chợ, cuối sông.
 Hoặc là trong quặng đồng không,
 Hoặc là gò đống, hoặc vùng lau tre.
 Sống đã chịu một bề thảm thiết,
 Ruột héo khô, da rét căm căm;
 Dãi dầu trong mấy muôn năm,
 Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.
 Nghe gà gáy, tìm đường lánh ẩn,
 Lặn mặt trời, lẩn thần tìm ra.
 Lôi thôi, bông trẻ, dất già,
 Có khôn thiêng hãy lại mà nghe Kinh.
 Nhờ phép Phật siêu sinh Tịnh độ,ⁱⁱⁱ
 Phóng hào quang^{iv} cứu khổ^v độ u.^{vi}

người ta chết đi mà hồn nhiều tội lỗi thì không qua được cầu ấy cho nên gọi là Nại hà kiều (Cầu không thể sang được).

ⁱ Thần từ: đền thờ thần.

ⁱⁱ Phật tự: chùa thờ Phật.

ⁱⁱⁱ Siêu sinh Tịnh độ: thoát qua cõi trần mà sanh vào đất trong sạch, là nơi Phật và Bồ Tát ở. Chữ thổ (土), tục quen đọc là độ.

^{iv} Hào quang: tia sáng chiếu ra chung quanh, là biểu hiệu quang minh của Phật.

^v Cứu khổ: cứu sự khổ não.

^{vi} Độ u: dẫn qua khỏi chỗ tăm tối.

Ráp hòa tứ hảiⁱ quần chu,ⁱⁱ
 Nảo phiền trút sạch, oan thù rửa không.

Nhờ đức Phật thân thông quảng đại,
 Chuyển Pháp luânⁱⁱⁱ tam giới^{iv} thập phương.^v
 Nhơn nhơn Tiêu Diện Đại vương,^{vi}
 Linh kỳ^{vii} một lá dẫn đường chúng sanh.

Nhờ phép Phật uy linh đồng mãnh,
 Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.
 Mời loài bất kể loài nào.
 Gái, trai, già, trẻ đều vào nghe kinh.

Kiếp phù sanh như hình, như ảnh,
 Có chữ rằng: Vạn cảnh giai không.^{viii}
Ai ơi lạy Phật làm lòng,
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.^{ix}

ⁱ Tứ hải: bốn biển.

ⁱⁱ Quần chu: các châu.

ⁱⁱⁱ Pháp luân: bánh xe pháp. Phật thuyết pháp độ sinh giống như làm xoay chuyển bánh xe pháp.

^{iv} Tam giới: Ba cõi là: 1. Cõi dục, nơi các thiên, nhân đều có tình dục; 2. Cõi sắc, nơi các thiên, nhân chỉ có hình sắc mà không còn có tình dục. 3. Cõi vô sắc, nơi các thiên, nhân sắc tướng đều không còn gì nữa, được cảnh vui vô cùng.

^v Thập phương: mười phương, sách Phật cho bốn phương chánh (đông, tây, nam, bắc), bốn phương giáp và trên trời, dưới đất (tứ duy, thượng, hạ) là mười phương.

^{vi} Tiêu Diện Đại Vương: là vị thần chấn tế chúng sanh.

^{vii} Linh kỳ: lá cờ thiêng.

^{viii} Vạn cảnh giai không: muôn cảnh đều thành không.

^{ix} Luân hồi: vòng xoay chuyển không bao giờ ngừng, sách Phật nói: Chúng sanh trên thế giới từ xưa đến nay cứ sống thác lần hồi ở trong Lục đạo, như bánh xe quay tròn không bao giờ ngừng, duy có người thành đạo là dứt được nỗi khổ ấy.

Đàn chẩn tế vâng lời Phật giáo,ⁱ
 Cửa có chi, bát cháo, nén nhang,
 Gọi là manh áo, thoi vàng,
 Giúp cho làm cửa ăn đường thẳng thiên.

Ai đến đó, dưới trên ngồi lại,
 Cửa làm duyên, chớ ngại bao nhiêu.
 Phép thiêng biến ít thành nhiều,
 Trên nhờ Tôn giảⁱⁱ chia đều chúng sanh.

Phật hữu tình từ bi phổ độ,
 Chớ ngại rằng có có chằng chằng.
 Nam mô Đà Phật, Pháp, Tăng,
 Độ cho nhất thiết siêu thăng linh hồn.

Nam mô Bồ Tát, Thế Tôn,
 Tiếp dẫn cô hồn Tịnh độ siêu sanh.

Kệ rằng:
Hàn lâm sở lý dạ trầm trầm,
Ái ngại cô hồn khổ não thâm!
Tịch diệt phong trần vô lượng cúng;
Hy hâm hưởng thọ hữu thường lâm.

Kim tiêu hạnh ngộ Bồ-đề quả;
Chúng đẳng đương thi hoan hỷ tâm.
Chỉ chí Thiên đàng phi huyễn lộ,
Quân môn giải thoát xuất hàn lâm.

Nam mô Sanh Tịnh độ Bồ Tát Ma-ha-tát!

ⁱ Phật giáo: lời dạy của Phật.

ⁱⁱ Tôn giả: bậc tu hành chân chánh, cứu độ, bố thí cho chúng sanh.

1918
壬午年夏

PHỤ LỤC II:
NGUYÊN BẢN TRANG
BÌA, LỜI TỰA VÀ LỜI BẠT
SÁCH
MÔNG SƠN THÍ THỰC
KHOA NGHI

蒙山施食科儀

碧蓮塘散人智海書

錦江永慶寺僧志心書

粘墨冥王能透况冤天
 信為柱海蒼荒埋業
 劫于托薩寐千秋也
 吹思家。如似。七。百。高。塚

蒙山極食科序。

竊用生寄死神。在且縮
 出理。鬼升。魄降。陰陽
 疑之。闕。怪。枯。告。云。馬。辭。

極食科序

能得。其。是。有。關。心。在。外。
 矣。業。禪。林。致。步。歸。身。
 劫。後。亦。得。原。字。翁。名。
 年。如。慷。不。在。詞。備。至。

何。苦。否。海。一。何。兩。忠。在。
 移。竟。難。報。身。為。望。蓮。
 雁。六。一。以。近。來。暢。情。支。博。
 玉。字。空。東。十。等。只。何。由。

雜食科序

二

筆蹟少梅兄傑也。漢清
 出。演律一偏五。馬曰。懷
 常。漫。字。舟。六。冠。其。鼓
 請。新。學。不。王。狗。尾。不。

施食科序

三

龍。江。左。家。品。是。道。社。主。之
 意。所。在。為。日。麟。洞。為
 行。之。節。所。以。誌。也。諸。君。幸
 同。其。

靈物應定家。年廿五。戊午。二月。
 中和。如。柔。於。時。凡。可。留。三。味。保。
 散。步。在。梅。子。六。味。軒。巨。索。一。
 步。至。可。某。以。墨。弓。象。心。梅。食。
 科。快。演。音。甫。完。梅。為。携。示。

施食科跋

廿六

柔。披。讀。三。心。見。于。河。由。博。院。不。數。
 心。真。神。款。眉。極。濟。下。憐。然。日。吊。
 古。戰。場。未。足。以。忠。十。古。系。笑。法。集。
 一。傳。寧。下。十。用。寶。而。子。金。瑪。字。
 物。以。按。三。章。可。景。高。標。潤。信。

于。奇。同。音。則。征。時。至。實。時。後。
 矣。不。寧。懂。是。當。同。歎。如。而。心。嗎。
 一。第。福。編。則。也。而。福。巧。怒。計。是。
 一。第。平。一。第。億。之。而。子。查。行。百。為。
 一。第。百。億。之。而。子。查。行。百。為。

得。在。狗。黃。桑。路。之。直。與。二。長。時。
 寧。抄。極。往。道。之。魂。黃。鳥。門。港。之。
 乃。志。亦。客。如。昔。乎。為。莫。日。道。
 運。系。火。陸。生。子。以。俱。存。其。燕。
 樂。江。山。而。自。在。其。作。之。隨。之。

文章之功。陳。應。其。擇。而。錄。之。碑
 而。記。之。与。在。家。諸。文。同。飛。不
 相。宜。矣。以。標。以。擗。材。聖。聖。在
 心。指。實。必。察。胸。花。三。物。新。補。無
 心。識。云。五。結。而。寫。夢。燈。屏。雖。上

煙。雲。於是。集。已。經。記。了。一。卷
 眼。睛。早。可。謝。了。一。家。康。元。可。以
 副。標。胸。便。記。柳。顏。性。高。奇。希。一。則。更
 在。強。碑。朱。先。聖。上。中。何。若。唐。如。善
 取。強。故。新。君子。惹。怨。憐。而。無

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5

CHƯƠNG I:
 NGUỒN GỐC MÔNG SƠN THÍ THỰC KHOA NGHI 7

 I. Mông Sơn thí thực – Đại Mông Sơn thí thực: 7

 II. Mông Sơn thí thực khoa nghi: 12

 1. Về tình trạng văn bản: 13

 2. Dịch giả: 17

CHƯƠNG II:
 CHÁNH VĂN MÔNG SƠN THÍ THỰC KHOA NGHI..... 21

 BÀI BẠCH: 51

 KHÔ LÂU TÁN 57

 TRẠO VĂN 63

 NHẬP TIỂU MÔNG SƠN PHÁP..... 87

 PHỤC DĨ VĂN 103

 CHỨC TỔNG..... 117

CHÚ GIẢI PHÂN DIỄN NÔM 120

TÀI LIỆU THAM KHẢO 128

PHỤ LỤC I: VĂN TẾ CÔ HỒN CỦA NGUYỄN DU 130

PHỤ LỤC II: NGUYÊN BẢN TRANG BÌA, LỜI TỰA VÀ LỜI BẠT SÁCH MÔNG SƠN THÍ THỰC KHOA NGHI..... 140

